

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI7_01

Tổ Thi 001_TINCHI7_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

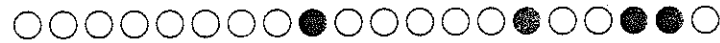
Trang 1

Ngày Thi 06/01/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật	An	DH17CC		30	9,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
2	17118003	Dương Quốc	Anh	DH17CK		10	7,2	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
3	16118011	Tôn Thế	Anh	DH16CC		10	8,1	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
4	14137008	Lê Đình	Ba	DH14NL		5,0	7,5	3,8	5,0	0012345678910	0123456789
5	17153005	Lê Hoàng	Bảo	DH17CD		10	8,7	4,8	6,5	0012345678910	0123456789
6	16118016	Tăng Duy	Bảo	DH16CK		10	8,1	5,3	6,6	0012345678910	0123456789
7	16137005	Quách Đình	Cầm	DH16NL		10	8,1	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
8	17137007	Đậu Sỹ	Chiến	DH17NL		30	5,7	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	16153005	Vô Thái	Công	DH16CD		10	8,1	5,3	6,6	0012345678910	0123456789
10	17154010	Vũ Trọng Nguyên	Cường	DH17OT						0012345678910	0123456789
11	17137009	Nguyễn Võ Quốc	Cường	DH17NL		10	9,0	5,8	7,2	0012345678910	0123456789
12	16118025	Nguyễn Châu Chí	Cường	DH16CK		10	7,8	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
13	17137011	Phan Hữu	Danh	DH17NL		10	9,5	9,8	9,7	0012345678910	0123456789
14	17153022	Đào Phụng	Duy	DH17CD		10	8,4	4,8	6,4	0012345678910	0123456789
15	17153023	Nguyễn Hùng	Duy	DH17CD		10	8,1	5,3	6,6	0012345678910	0123456789
16	17137016	Phan Lê	Duy	DH17NL		10	10	6,0	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02086

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi TINCHI7_01

Tổ Thi 001_TINCHI7_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 06/01/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154015	Hồ Thanh	Điện	DH17OT		10	6,9	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
18	17153013	Hà Công	Định	DH17CD		10	7,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
19	17137012	Lê Tấn	Đôn	DH17NL		10	9,0	8,8	9,0	0012345678910	0123456789
20	17153024	Đặng Minh	Hải	DH17CD		10	8,7	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
21	17153200	Phạm Văn	Hạnh	DH17CD		10	8,4	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
22	17118034	Huỳnh Văn	Hiếu	DH17CK		10	9,0	6,3	7,5	0012345678910	0123456789
23	17137020	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17NL		10	8,7	5,4	6,9	0012345678910	0123456789
24	15153025	Nguyễn Minh	Hiếu	DH15CD		7,0	8,4	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
25	16137036	Huỳnh Quang	Huy	DH16NL						0012345678910	0123456789
26	15137029	Phạm Đăng	Huy	DH15NL		5,0	5,4	4,8	5,0	0012345678910	0123456789
27	16118065	Phạm Tuấn	Huy	DH16CK		10	9,0	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
28	16137034	Nguyễn Nho	Hưng	DH16NL		7,0	6,9	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
29	17137030	Phạm Phi	Hưng	DH17NL		10	8,4	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
30	11153019	Lê Hoàng	Khải	DH13CD		5,0	9,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
31	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD		10	9,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
32	16115076	Trần Duy	Khánh	DH16CB						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02086



Bảng Ghi Điểm Thi
Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi TINCHI7_01 Tô Thi 001_TINCHI7_01 Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày Thi 06/01/2020 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			5,0	8,1	3,8	5,2	0012345678910	0123456789
34	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			10	8,4	6,3	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3.1. Số sinh viên vắng 3..

Ngày 6 Tháng 1 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Văn Công

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi TINCHI7_01

Tổ Thi 002_TINCHI7_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 06/01/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153048	Huỳnh Phúc	Lĩnh	DH16CD	<i>Phúc</i>	10	8,1	9,3	9,0	0012345678910	0123456789
2	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc	DH17NL	<i>Hữu</i>	10	9,0	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
3	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	Mi	DH17CK	<i>Yến</i>	10	9,2	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
4	13115071	Dương Công	Minh	DH13CB	<i>Minh</i>	9	1,0	1,0	0,9	0012345678910	0123456789
5	17137046	Nguyễn Na	Na	DH17NL	<i>Na</i>	7,0	4,8	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
6	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD	<i>Thanh</i>	7,0	7,8	5,8	6,5	0012345678910	0123456789
7	17153046	Ngô Thiên	Nghĩa	DH17CD	<i>Thiên</i>	10	9,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
8	17153047	Nguyễn Trung	Nghĩa	DH17CD	<i>Trung</i>	7,0	7,5	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
9	13118221	Vô Văn	Nguyên	DH13CK						0012345678910	0123456789
10	17153051	Vô Thành	Nhân	DH17CD						0012345678910	0123456789
11	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	DH17OT	<i>Nhật</i>	10	7,8	6,2	7,1	0012345678910	0123456789
12	17115078	Nguyễn Thị	Nhớ	DH17GB	<i>Nhớ</i>	10	7,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
13	17118082	Nguyễn Hoàng	Phúc	DH17CC	<i>Phúc</i>	10	5,7	9,5	8,4	0012345678910	0123456789
14	17153058	Nguyễn Hồng	Phúc	DH17CD	<i>Hồng</i>	10	8,7	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
15	17118084	Đỗ Hữu	Phước	DH17CC	<i>Ph</i>	10	9,0	8,3	8,7	0012345678910	0123456789
16	17137056	Đàm Minh	Quang	DH17NL	<i>Quang</i>	10	9,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02087

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI7_01

Tô Thi 002_TINCHI7_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 06/01/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118123	Nguyễn Tông	Quân	DH16CC		10	5,9	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
18	17118091	Hoàng Kim	Sơn	DH17CK		10	6,9	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
19	17118092	Lê Văn	Sơn	DH17CK		7,0	8,4	2,3	4,6	0012345678910	0123456789
20	17137060	Trần Ngọc	Sơn	DH17NL		10	8,4	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
21	17154088	Võ Văn	Thạch	DH17OT		5,0	7,5	5,8	6,2	0012345678910	0123456789
22	16118143	Hà Văn	Thắng	DH16CC		10	8,4	9,8	9,4	0012345678910	0123456789
23	17137064	Đỗ Duy	Thiện	DH17NL		10	9,0	9,8	9,6	0012345678910	0123456789
24	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	DH15OT						0012345678910	0123456789
25	17154098	Trần Đình	Thông	DH17OT		10	7,5	4,3	5,8	0012345678910	0123456789
26	17115109	Trần Nguyễn Anh	Thư	DH17GB		10	7,5	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
27	17137067	Nguyễn Công	Thức	DH17NL		10	9,3	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
28	17118114	Bùi Minh	Thượng	DH17CC		7,0	8,4	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
29	17154102	Lê Cao Quốc	Tiến	DH17OT		10	7,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
30	17154107	Nguyễn Văn	Toàn	DH17OT		10	7,5	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
31	17454008	Đặng Quốc	Trí	LT17OT		9	9,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
32	17118120	Nguyễn Quang	Trí	DH17CK		7,0	7,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02087

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi TINCHI7_01

Tổ Thi 002_TINCHI7_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 06/01/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15137064	Đỗ Bảo	Trọng	DH15NL		70	36	65	5,7	0012345678910	0123456789
34	16137091	Vũ Nhật	Trường	DH16NL		50	75	43	5,3	0012345678910	0123456789
35	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD		10	90	70	7,9	0012345678910	0123456789
36	17118133	Phùng Văn Quốc	Tuấn	DH17CC		70	84	55	6,5	0012345678910	0123456789
37	11169011	Đinh Thị Thu	Vân	DH11GN		0	8,5	24	40	0012345678910	0123456789
38	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân	DH17NL		10	8,8	9,8	9,5	0012345678910	0123456789
39	17118140	Nguyễn Xuân	Vinh	DH17CK		50	75	43	5,3	0012345678910	0123456789
40	15118133	Đặng Hoàng	Vũ	DH15CK		10	6,9	30	4,9	0012345678910	0123456789
41	16153109	Lê Văn	Vũ	DH16CD		10	6,9	23	4,5	0012345678910	0123456789
42	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ	DH17NL		10	8,1	50	6,4	0012345678910	0123456789
43	17118141	Nguyễn Trọng Anh	Vũ	DH17CC		70	90	60	70	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 6 Tháng 1 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày 02/12/2019

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 00603

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17118004	Lương Tú Anh	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 9
3	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK	Bao		1,0	3,2	3,5	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC	Dan		1,0	3,6	4,5	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
6	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9
8	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC	Hiep		1,0	2,8	3,0	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC	Hieu		1,0	3,4	4,0	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
10	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC	Lo		1,0	2,2	2,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC	Luong		1,0	3,4	4,0	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
16	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC	Nhan		1,0	3,4	4,3	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
17	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC	Nhat		1,0	3,4	4,0	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
18	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC	Phat		1,0	3,6	4,5	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00603

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			0,9	3,2	3,5	7,6	001234568910	0123456789
20	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			1,0	3,2	3,5	7,7	001234568910	0123456789
21	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			1,0	3,2	3,5	7,7	001234568910	0123456789
22	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			0,8	2,8	3,0	6,6	0012345678910	0123456789
23	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			0,9	2,8	2,5	6,2	0012345678910	0123456789
24	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			0,4	2,8	3,0	6,2	0012345678910	0123456789
25	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			1,0	3,2	4,0	8,2	0012345678910	0123456789
26	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			1,0	2,8	3,0	6,8	0012345678910	0123456789
27	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			1,0	2,4	3,0	6,4	0012345678910	0123456789
28	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			1,0	2,8	3,0	6,8	0012345678910	0123456789
29	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC							0012345678910	0123456789
30	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC							0012345678910	0123456789
31	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK			0,9	2,0	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
32	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC			1,0	3,6	4,0	8,6	0012345678910	0123456789
33	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC							0012345678910	0123456789
34	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			1,0	3,2	4,0	8,2	0012345678910	0123456789
35	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			0,9	3,2	3,5	7,6	0012345678910	0123456789
36	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			1,0	3,2	3,5	7,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			1,0	3,4	4,0	8,4	001234567●910	0123●56789
38	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			1,0	3,4	4,3	8,7	001234567●910	0123456●89
39	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			0,9	3,2	4,0	8,1	001234567●910	0●23456789

Số lượng vắng:

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Vinh

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Quang Vinh

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118006	Triệu Xuân	Bách	Bách		1,3	1,4	0	2,7	0012345678910	0123456789
2	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	Bảo		1,1	1,5	0,8	3,4	0012345678910	0123456789
3	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	Ch		1,5	1,5	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
4	18118011	Nguyễn Trung	Chinh	Ch		1,3	1,5	2,3	5,1	0012345678910	0123456789
5	18118013	Nguyễn Đức	Công	Đ		1,1	1,2	0,7	3	0012345678910	0123456789
6	18118016	Đặng Hữu	Danh	Đ		1,5	1,2	1,3	4	0012345678910	0123456789
7	18118017	Nguyễn Công	Danh	Đ		1	1,4	2	4,4	0012345678910	0123456789
8	18118018	Nguyễn Võ Công	Danh	Đ		1	1,5	2,9	5,4	0012345678910	0123456789
9	18118023	Nguyễn Tấn	Diễn	Đ		1,5	1,5	3,4	6,4	0012345678910	0123456789
10	18118028	Triệu Quốc	Dũng	Đ		1,5	1,5	6	9	0012345678910	0123456789
11	18118034	Nguyễn Đức	Duy	Đ		1	1,5	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
12	18118035	Thái Hoàng	Duy	Đ		1,5	1,2	3,7	6,4	0012345678910	0123456789
13	18118030	Hồ Phi	Dương	Đ						0012345678910	0123456789
14	18118015	Nguyễn Hải	Đặng	Đ		1,5	1,5	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
15	18118039	Trần Tuấn	Hiệp	Đ		1,4	1,2	1,1	3,7	0012345678910	0123456789
16	18118040	Bùi Trung	Hiếu	Đ		1,2	1,5	0,4	3,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118043	Nguyễn Ngọc	Hòa	DH18CK		1,5	1,5	1,2	4,2	0012345678910	0123456789
18	18118044	Tổng An	Hoài	DH18CK		1,5	1,5	4,7	7,7	0012345678910	0123456789
19	18118045	Lê Quang	Huy	DH18CK		1,5	1,5	1,1	4,1	0012345678910	0123456789
20	18118047	Nguyễn Khánh	Huy	DH18CK		1,5	1,5	2,6	5,6	0012345678910	0123456789
21	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK		1,5	1,5	0	3	0012345678910	0123456789
22	18118051	Bùi	Huynh	DH18CK		1,5	1,2	2,3	5	0012345678910	0123456789
23	18118055	Lê Minh	Khang	DH18CK		1,5	1,4	0,4	3,3	0012345678910	0123456789
24	18118060	Trần Bá	Khoa	DH18CK		1,5	1,5	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
25	18118062	Đặng Minh	Khôi	DH18CK		1,1	1,2	1,1	3,4	0012345678910	0123456789
26	18118064	Kiều Minh Trí	Kiệt	DH18CK		1,5	1,5	2,2	5,2	0012345678910	0123456789
27	18118071	Huỳnh Quốc	Long	DH18CK		1,5	1,2	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
28	18118074	Nguyễn Phi	Long	DH18CK		1,5	1,5	2,1	5,1	0012345678910	0123456789
29	18118075	Nguyễn Thành	Long	DH18CK		1,5	1,5	3,2	6,2	0012345678910	0123456789
30	18118076	Phạm Văn	Long	DH18CK		1,5	1,4	1,9	4,8	0012345678910	0123456789
31	18118068	Lê Quang	Lộc	DH18CK		1,5	1,5	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
32	18118081	Tạ Văn	Mạnh	DH18CK		1,3	1,2	1,8	4,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118082	Nguyễn Đình	Minh	DH18CK	<i>minh</i>	1,5	1,5	2,7	5,7	0012345678910	0123456789
34	18118084	Vũ Quang	Minh	DH18CK	<i>minh</i>	1,5	1,2	0,7	3,4	0012345678910	0123456789
35	18118092	Nguyễn Trọng	Nguyên	DH18CK	<i>nguyen</i>	1,5	1,5	3,1	6,1	0012345678910	0123456789
36	18154085	Lê Quốc	Nhân	DH18OT	<i>nhân</i>	1,5	1,5	3,6	6,6	0012345678910	0123456789
37	18118098	Nguyễn Trung	Nhân	DH18CK	<i>trung</i>	1,3	1,5	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
38	18118103	Nguyễn Thuận	Phát	DH18CK	<i>phat</i>	1,5	1,2	0,7	3,4	0012345678910	0123456789
39	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK	<i>phi</i>	1,5	1,5	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
40	18118106	Phùng Minh	Phong	DH18CK	<i>phong</i>	1,5	1,4	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
41	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK	<i>phuc</i>	1,5	1,4	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
42	18118110	Vũ Toàn	Phước	DH18CK	<i>phuc</i>	1,5	1,4	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
43	17118085	Nguyễn Đình	Phuong	DH17CK	<i>phuong</i>	1,5	1,4	1,1	4	0012345678910	0123456789
44	18118112	Lê Văn	Quang	DH18CK	<i>quang</i>	1,5	1,1	1,9	4,5	0012345678910	0123456789
45	18118113	Nguyễn Thanh	Quang	DH18CK	<i>quang</i>	1,5	1,4	1,3	4,2	0012345678910	0123456789
46	18118114	Phạm Phúc	Quang	DH18CK	<i>pham</i>	1,5	1,5	2,2	5,2	0012345678910	0123456789
47	18118111	Nguyễn Đình	Quân	DH18CK	<i>quyn</i>	1,5	1,2	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
48	18118115	Quách Ngọc	Quý	DH18CK	<i>quy</i>	0,7	1,2	4,6	6,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118116	Lê Triệu	Quốc	DH18CK		1,5	1,5	1,3	4,3	0012345678910	0123456789
50	18118124	Nguyễn Khắc	Tân	DH18CK		0,5	1,5	3,7	5,7	0012345678910	0123456789
51	18118125	Nguyễn Minh	Tân	DH18CK		1,3	1,2	4,9	7,4	0012345678910	0123456789
52	18118135	Nguyễn Chí	Thành	DH18CK		1,5	1,5	5,7	8,7	0012345678910	0123456789
53	18118130	Huỳnh Ngọc	Thắng	DH18CK						0012345678910	0123456789
54	18118132	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18CK		1,3	1,4	0,7	3,4	0012345678910	0123456789
55	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK		1,5	1,5	2,9	5,9	0012345678910	0123456789
56	18118140	Nguyễn Ngọc	Thiện	DH18CK		1,3	1,4	3,1	5,8	0012345678910	0123456789
57	18118142	Nguyễn Quang	Thìn	DH18CK		0,7	1,5	3	5,2	0012345678910	0123456789
58	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK		1,5	1,2	2,9	5,6	0012345678910	0123456789
59	18118145	Huỳnh Hữu	Thọ	DH18CK		1,5	1,5	2,9	5,9	0012345678910	0123456789
60	18118148	Đỗ Thành	Thu	DH18CK		1,3	1,5	3,2	6	0012345678910	0123456789
61	18118154	Bùi Thanh	Tiến	DH18CK		1,1	0	0	1,1	0012345678910	0123456789
62	18118151	Bùi Minh	Tiến	DH18CK		1,5	1,5	3,2	6,2	0012345678910	0123456789
63	18118153	Nguyễn Trọng	Tiến	DH18CK		1,2	1,5	3,6	6,3	0012345678910	0123456789
64	18118158	Nguyễn Thành	Tôn	DH18CK		1	1,5	6,2	8,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02089

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118159	Nguyễn Lê Minh	Trí	DH18CK						0012345678910	0123456789
66	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK		1,5	1,5	5,3	8,3	0012345678910	0123456789
67	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC		1,5	1,5	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
68	18118167	Phạm Tấn	Trung	DH18CK		1,5	1,5	3,7	6,7	0012345678910	0123456789
69	18118168	Cao Quang	Trường	DH18CK		1,5	1,5	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
70	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	DH18CK		1,3	1,5	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
71	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK		1,5	1,5	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
72	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	DH18CK		1,3	1,4	1,8	4,5	0012345678910	0123456789
73	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK		1,5	1,5	3,7	6,7	0012345678910	0123456789
74	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK		1,5	1,1	2,1	4,7	0012345678910	0123456789
75	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK		1,5	1,5	3	6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

Thư ký phòng

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 02088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_02**

Tổ Thi

001_DH18CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ	Anh	DH18CC	Anh	1,4	1,5	2,7	5,6	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng	Ân	DH18CC	Hoàng	1,4	1,5	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
3	17118006	Nguyễn Thanh	Bá	DH17CK	Thanh	1,5	1,4	6,1	9	0012345678910	0123456789
4	18118008	Phan Văn Chí	Bảo	DH18CC	Bao	1,3	1,4	3,2	5,9	0012345678910	0123456789
5	17118010	Trương Minh	Bảo	DH17CK	Bao	1,4	1,4	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
6	15118007	Lâm Quang	Chiến	DH15CC	Chi	1,4	1,5	2,6	5,5	0012345678910	0123456789
7	18118012	Tạ Đức Cao	Chương	DH18CC	Chi	1,4	1,5	5	7,9	0012345678910	0123456789
8	17154009	Nguyễn Thành	Công	DH17OT	Cong	0,9	1,5	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
9	16118026	Tổng Mạnh	Cường	DH16CK	Loc	1,5	1,5	5,6	8,6	0012345678910	0123456789
10	18118029	Trần Vĩnh	Dụng	DH18CC	Dung	1,3	1,4	2,3	5	0012345678910	0123456789
11	18118036	Ứng Phương	Duy	DH18CC	Dung	1,2	1,4	2,7	5,3	0012345678910	0123456789
12	18118014	Bạch Thanh	Đại	DH18CC	Doi	1,2	1,4	6,2	8,8	0012345678910	0123456789
13	18118022	Phan Thành	Đạt	DH18CC	Phan	1,1	1,5	2	4,6	0012345678910	0123456789
14	18118024	Lê Xuân	Đức	DH18CC	Doc.	1,4	1,5	6,7	9,6	0012345678910	0123456789
15	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK	Doi	1,4	1,2	1,6	4,2	0012345678910	0123456789
16	16154030	Yến Quốc	Hào	DH16OT	Kac	1,5	1,1	3	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_02**

Tổ Thi **001_DH18CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118065	Phạm Tuấn	Huy	DH16CK	<i>Huy</i>	1,5	1,2	1,4	4,1	0012345678910	0123456789
18	17154040	Phạm Văn	Khang	DH17OT	<i>Khang</i>	1,5	1,2	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
19	18118057	Trần Trọng	Khiêm	DH18CC	<i>Trần Trọng</i>	1,1	1,4	2	4,5	0012345678910	0123456789
20	18118058	Đào Đăng	Khoa	DH18CC	<i>Đào Đăng</i>	1,4	1,1	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
21	16118081	Trần Hữu	Lâm	DH16CK	<i>Trần Hữu</i>	1,5	1,5	6,2	9,2	0012345678910	0123456789
22	18118077	Thét Chủ	Long	DH18CC	<i>Thét Chủ</i>	1,1	1,5	5,7	8,3	0012345678910	0123456789
23	18118069	Nguyễn Quý	Lộc	DH18CC	<i>Nguyễn Quý</i>	0,8	1,5	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
24	18118070	Trương Tuấn	Lộc	DH18CC						0012345678910	0123456789
25	18118078	Hồ Minh	Luân	DH18CC	<i>Hồ Minh</i>	1,5	1,5	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
26	18118079	Nguyễn Trọng	Luận	DH18CC						0012345678910	0123456789
27	16118098	Nguyễn Bình Trí	Mẫn	DH16CK	<i>Nguyễn Bình Trí</i>	1,5	1,4	4,3	7,2	0012345678910	0123456789
28	17118058	Trần Ngọc Minh	Mẫn	DH17CK	<i>Trần Ngọc Minh</i>	1,5	1,4	2,4	5,3	0012345678910	0123456789
29	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	Mĩ	DH17CK	<i>Nguyễn Hoàng Yến</i>	1,5	1,5	4,6	7,6	0012345678910	0123456789
30	15118065	Nguyễn Trúc	Minh	DH15CC	<i>Nguyễn Trúc</i>	1,4	1,5	0,7	3,6	0012345678910	0123456789
31	18118086	Bùi Thị Trà	My	DH18CC	<i>Bùi Thị Trà</i>	0,8	1,5	4	6,3	0012345678910	0123456789
32	15118068	Phạm Đức	Nam	DH15CK						0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_02**

Tổ Thi

001_DH18CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 45%	Đ2 45%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	DH18CC	<i>thuan</i>	1,5	1,5	4,7	7,7	00012345678910	00123456789
50	18118131	Nguyễn Minh	Thắng	DH18CC						00012345678910	00123456789
51	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	DH18CC	<i>thi</i>	1,5	1,4	2,9	5,8	00012345678910	00123456789
52	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	DH18CC	<i>thien</i>	1,5	1,4	5,6	8,5	00012345678910	00123456789
53	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	DH15OT	<i>thinh</i>	0	0	0	0	00012345678910	00123456789
54	18118146	Mai Viết	Thông	DH18CK						00012345678910	00123456789
55	18118222	Châu Ngọc	Ti	DH18CC	<i>ti</i>	1,5	1,5	2,8	5,8	00012345678910	00123456789
56	17118116	Hồ Đoàn Minh	Tiền	DH17CC	<i>tiem</i>	1,5	1,5	2,5	5,5	00012345678910	00123456789
57	18118152	Dương Minh	Tiến	DH18CC	<i>tiem</i>	1,5	1,4	2,1	5	00012345678910	00123456789
58	17154105	Nguyễn Trung	Tín	DH17OT	<i>tin</i>	1,5	1,5	5,6	8,6	00012345678910	00123456789
59	18118155	Nguyễn Phát	Tín	DH18CC	<i>phat</i>	1,5	1,2	1,9	4,6	00012345678910	00123456789
60	18118157	Trần Duy	Toàn	DH18CC	<i>toan</i>	0,7	1,5	3,9	6,1	00012345678910	00123456789
61	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC	<i>trung</i>	1,5	1,5	3,6	6,6	00012345678910	00123456789
62	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC	<i>tuân</i>	1,5	1,5	3,9	6,9	00012345678910	00123456789
63	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC	<i>tuân</i>	1,5	1,5	1,2	4,2	00012345678910	00123456789
64	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC	<i>thung</i>	1,5	1,4	3,1	6	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 02088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_02**

Tổ Thi

001_DH18CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

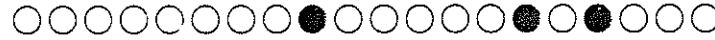
09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118088	Lê Đại	Nghĩa	DH18CC		1,4	1,4	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
34	18118090	Phan Trung	Nghĩa	DH18CC		1,1	1,2	1,4	3,7	0012345678910	0123456789
35	17118067	Lý Thái	Nguyên	DH17CC		1,4	1,5	4,3	7,2	0012345678910	0123456789
36	18118094	Bồ Tấn	Nhân	DH18CC		1,1	1,5	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
37	18118096	Đặng Danh	Nhân	DH18CC		1,5	1,2	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
38	18118100	Dương Thị Tuyết	Nhi	DH18CC		1,5	1,5	2,4	5,4	0012345678910	0123456789
39	17118073	Nguyễn Minh	Nhật	DH17CC		1,5	1,2	5,7	8,4	0012345678910	0123456789
40	17154069	Lê Văn Tấn	Phát	DH17OT		1,5	1,5	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
41	15154041	Nguyễn Minh Nhật	Quyền	DH15OT						0012345678910	0123456789
42	14118236	Nguyễn Văn	Sang	DH14CK						0012345678910	0123456789
43	14118237	Trần Quốc	Sang	DH14CC		0	1,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
44	18118120	Lê Tấn	Tài	DH18CC		1,5	1,1	0,7	3,2	0012345678910	0123456789
45	18118122	Nguyễn Minh	Tâm	DH18CC		1,5	1,4	5,3	8,2	0012345678910	0123456789
46	18118127	Lương Văn	Thái	DH18CC		1,5	1,5	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
47	18118128	Phạm Văn	Thái	DH18CC		1,5	1,5	6,3	9,3	0012345678910	0123456789
48	18118129	Phan Quốc	Thái	DH18CC		1,5	1,2	0,8	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_02**

Tổ Thi

001_DH18CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118180	Trần Văn	Tuyên	DH18CC		1,4	1,2	1,4	4	0012345678910	0123456789
66	17118135	Đặng Năng San	U	DH17CC		1,5	1,5	1,2	4,2	0012345678910	0123456789
67	17118140	Nguyễn Xuân	Vinh	DH17CK		1,5	1,1	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
68	18118183	Nguyễn Hồ Phú	Vinh	DH18CC		1,5	1,5	1,2	4,2	0012345678910	0123456789
69	18118185	Trần Phúc	Vinh	DH18CC		1,5	1,5	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
70	18118186	Hoàng Long	Vũ	DH18CC		1,5	1,5	4,4	7,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **6,3** Số sinh viên vắng **0,7**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

BET 3

Ngày in : 02/12/2019



Mã nhận dạng 02090

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_04**

Tổ Thi

001_DH18CKC_04

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118197	Vũ Đức	Dũng	DH18CKC						0012345678910	0123456789
2	18118192	Lê Tiến	Đạt	DH18CKC	<i>Đạt</i>	1,3	1,4	4,8	7,5	0012345678910	0123456789
3	18118193	Nguyễn Lê Minh	Đạt	DH18CKC						0012345678910	0123456789
4	18118191	Trần Hải	Đang	DH18CKC						0012345678910	0123456789
5	18118194	Đào Phúc	Đức	DH18CKC						0012345678910	0123456789
6	18118195	Trần Nguyễn Trí	Đức	DH18CKC	<i>Đức</i>	1,3	1,3	2,6	5,2	0012345678910	0123456789
7	18118200	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DH18CKC	<i>Thu</i>	1,3	1,3	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
8	18118202	Trần Văn	Hoài	DH18CKC	<i>Hoài</i>	0,6	1,3	5,1	7	0012345678910	0123456789
9	18118204	Phạm Đăng	Huy	DH18CKC	<i>Huy</i>	1,2	1,4	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
10	18118205	Trần Duy	Khang	DH18CKC	<i>Khang</i>	1,2	1,4	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
11	18118207	Trịnh Ngọc	Lâm	DH18CKC	<i>Lâm</i>	1,3	1,3	4,8	7,4	0012345678910	0123456789
12	18118208	Nguyễn Bá	Long	DH18CKC	<i>Long</i>	1,2	1,2	3,7	6,1	0012345678910	0123456789
13	18118209	Phạm Bùi Hải	Long	DH18CKC	<i>Long</i>	1,5	1,3	4,9	7,7	0012345678910	0123456789
14	18118210	Phạm Trung	Long	DH18CKC	<i>Long</i>	1,3	1,3	2,3	4,9	0012345678910	0123456789
15	18118212	Nguyễn Xuân	Nguyễn	DH18CKC	<i>Nguyễn</i>	1,4	1,4	3,4	6,2	0012345678910	0123456789
16	18118108	Nguyễn Huy	Phúc	DH18CKC	<i>Phúc</i>	1	1,3	2,1	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02090

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH18CKC_0:**

Tổ Thi

001_DH18CKC_04

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 45 %	Đ2 45 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118214	Nguyễn Hoài	Sang			0,9	1,4	5,7	8	0012345678910	0123456789
18	18118215	Hoàng Thái	Son			1,3	1,3	4,4	7	0012345678910	0123456789
19	18118217	Nguyễn Trung	Tín			1,2	1,4	1,6	4,2	0012345678910	0123456789
20	18118218	Phạm Văn	Tinh			1,3	1,3	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
21	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh	Trâm			1,3	1,3	1,8	4,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **17** Số sinh viên vắng **4**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

N.V. Kiep

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **28/12/2019**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc	Bảo	DH19CKC	<i>Quốc</i>	10	5,8	7,8	7,4	0012345678910	0123456789
2	19118288	Mai Văn	Chư Ông	DH19CKC						0012345678910	0123456789
3	19118027	Nguyễn	Cường	DH19CKC	<i>Cường</i>	9,0	6,5	3,3	4,8	0012345678910	0123456789
4	19118289	Bùi Quốc	Đại	DH19CKC						0012345678910	0123456789
5	19118290	Nguyễn Tô Hoàng	Đạt	DH19CKC	<i>Đạt</i>	10	5,0	3,8	4,8	0012345678910	0123456789
6	19118295	Huỳnh Tấn	Học	DH19CKC	<i>Huỳnh</i>	9,0	6,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
7	19118296	Đình Đức	Mạnh	DH19CKC	<i>Đình</i>	8,0	6,9	8,3	7,9	0012345678910	0123456789
8	19118297	Nguyễn Thành	Nam	DH19CKC	<i>Nam</i>	10	6,9	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
9	19118298	Nguyễn Tấn	Nhà	DH19CKC	<i>Nhà</i>	8,0	6,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
10	19118180	Huỳnh Hoàng	Phúc	DH19CKC	<i>Phúc</i>	9,0	4,2	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
11	19118299	Lê Hoàng Thiên	Phúc	DH19CKC	<i>Phúc</i>	9,0	7,2	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
12	19118302	Nguyễn Như	Qui	DH19CKC	<i>Qui</i>	7,0	4,6	7,0	6,3	0012345678910	0123456789
13	19118304	Phan	Sáng	DH19CKC	<i>Sáng</i>	10	6,5	7,3	7,3	0012345678910	0123456789
14	19118303	Nguyễn Phan Đức	Sâm	DH19CKC	<i>Sâm</i>	10	6,9	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
15	19118307	Nguyễn Tín	Trọng	DH19CKC	<i>Tín</i>	10	6,8	6,3	6,8	0012345678910	0123456789
16	19118308	Bùi Trọng	Trường	DH19CKC	<i>Trường</i>	10	6,1	5,3	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02091

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108)			Số Tín Ch	3
Nhóm Thi	DH19CKC_01	Tô Thi	001_DH19CKC_01	Tên CBGD	Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày Thi	28/12/2019	Giờ Thi	07:30	Phòng Thi	HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 1, Số sinh viên vắng 2.

Ngày 3 Tháng 1 Năm 2020

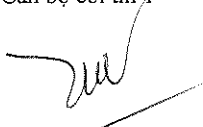
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thị Kiều Hạnh


N.V. Kiệp


Nguyễn Văn Công


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02094

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng	Ân	DH18CC		10	8	45	61	0012345678910	0123456789
2	18118006	Triệu Xuân	Bách	DH18CK		7	6	0	2.5	0012345678910	0123456789
3	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	DH18CK		10	7	45	5.8	0012345678910	0123456789
4	18118013	Nguyễn Đức	Công	DH18CK		10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
5	18118016	Đặng Hữu	Danh	DH18CK		10	5	25	40	0012345678910	0123456789
6	18118017	Nguyễn Công	Danh	DH18CK		10	6	3	46	0012345678910	0123456789
7	18118018	Nguyễn Võ Công	Danh	DH18CK		7	8	4	5.5	0012345678910	0123456789
8	18118023	Nguyễn Tấn	Điện	DH18CK		10	7	75	7.6	0012345678910	0123456789
9	18118028	Triệu Quốc	Dũng	DH18CK		10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
10	18118034	Nguyễn Đức	Duy	DH18CK		10	5	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
11	18118035	Thái Hoàng	Duy	DH18CK		10	6	85	7.9	0012345678910	0123456789
12	18153013	Nguyễn Văn	Dư	DH18CD		7	8	4	5.5	0012345678910	0123456789
13	18118030	Hồ Phi	Dương	DH18CK		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
14	18118040	Bùi Trung	Hiếu	DH18CK		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
15	18118043	Nguyễn Ngọc	Hòa	DH18CK		10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
16	18118044	Tổng An	Hoài	DH18CK		10	7	95	8.8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02094

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118045	Lê Quang	Huy	DH18CK		10	6	8	7.6	0012345678910	0123456789
18	18118047	Nguyễn Khánh	Huy	DH18CK		10	5	6	6.1	0012345678910	0123456789
19	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
20	18118051	Bùi	Huynh	DH18CK		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
21	18118055	Lê Minh	Khang	DH18CK		10	6.5	7	7.2	0012345678910	0123456789
22	18118060	Trần Bá	Khoa	DH18CK		10	7.5	5	6.3	0012345678910	0123456789
23	18118062	Đặng Minh	Khôi	DH18CK		10	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
24	18118064	Kiều Minh Trí	Kiệt	DH18CK		10	9	1	4.3	0012345678910	0123456789
25	18153038	Lê Trọng	Lâm	DH18CD		10	9	10	9.7	0012345678910	0123456789
26	18118071	Huỳnh Quốc	Long	DH18CK		10	5	6	6.1	0012345678910	0123456789
27	18153042	Lưu Hoàng	Long	DH18CD		10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
28	18118074	Nguyễn Phi	Long	DH18CK		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
29	18118075	Nguyễn Thành	Long	DH18CK		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
30	18118076	Phạm Văn	Long	DH18CK		10	6	7	7.0	0012345678910	0123456789
31	18118068	Lê Quang	Lộc	DH18CK		10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
32	18118081	Tạ Văn	Mạnh	DH18CK		10	6	7	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02094

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118082	Nguyễn Đình	Minh	DH18CK	minh	10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
34	18118084	Vũ Quang	Minh	DH18CK	minh	10	6	5	5.8	0012345678910	0123456789
35	18118092	Nguyễn Trọng	Nguyễn	DH18CK	Nguyen	10	7	6.5	7.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Bùi Công Hành

Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02095

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **002_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118096	Đặng Danh	Nhân	DH18CC		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
2	18118098	Nguyễn Trung	Nhân	DH18CK		10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
3	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK		7	5	0	2.2	0012345678910	0123456789
4	18118106	Phùng Minh	Phong	DH18CK		10	4	7	7.9	0012345678910	0123456789
5	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK		5	5	4.5	4.7	0012345678910	0123456789
6	18118110	Vũ Toàn	Phước	DH18CK		10	4	5	6.7	0012345678910	0123456789
7	18118112	Lê Văn	Quang	DH18CK		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
8	18118113	Nguyễn Thanh	Quang	DH18CK		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
9	18118114	Phạm Phúc	Quang	DH18CK		10	5	4.5	5.2	0012345678910	0123456789
10	18118111	Nguyễn Đình	Quán	DH18CK		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
11	18118115	Quách Ngọc	Quý	DH18CK		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
12	18118116	Lê Triệu	Quốc	DH18CK		10	0	0	1.0	0012345678910	0123456789
13	13125750	Lê Thị Mỹ	Sen	DH13BQGL		10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
14	18118125	Nguyễn Minh	Tân	DH18CK		10	7.5	6	6.9	0012345678910	0123456789
15	18118135	Nguyễn Chí	Thành	DH18CK		10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
16	18153067	Trần Hải	Thành	DH18CD		10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02095

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118130	Huỳnh Ngọc	Thắng	DH18CK		0	0	0	0.0	●0012345678910	00123456789
18	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD		10	8	6.5	7.3	○0012345678910	00123456789
19	18118132	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18CK		10	7	0	3.1	○0012345678910	00123456789
20	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK		10	8	7	7.6	○0012345678910	00123456789
21	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD		10	8	8	8.2	○0012345678910	00123456789
22	18118140	Nguyễn Ngọc	Thiện	DH18CK		10	8	2.5	4.9	○0012345678910	00123456789
23	18118142	Nguyễn Quang	Thìn	DH18CK		10	6	7.5	7.3	○0012345678910	00123456789
24	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK		0	0	0	0.0	●0012345678910	00123456789
25	18118145	Huỳnh Hữu	Thọ	DH18CK		10	8	5	6.4	○0012345678910	00123456789
26	18118146	Mai Viết	Thông	DH18CK		0	0	0	0.0	●0012345678910	00123456789
27	18118148	Đỗ Thành	Thu	DH18CK		10	8	3	5.2	○0012345678910	00123456789
28	18118154	Bùi Thanh	Tiến	DH18CK		0	0	0	0.0	●0012345678910	00123456789
29	18118151	Bùi Minh	Tiến	DH18CK		10	8	6.5	7.3	○0012345678910	00123456789
30	18118153	Nguyễn Trọng	Tiến	DH18CK		0	0	0	0.0	●0012345678910	00123456789
31	18118158	Nguyễn Thành	Tôn	DH18CK		10	6	8.5	7.9	○0012345678910	00123456789
32	18118159	Nguyễn Lê Minh	Trí	DH18CK		10	8	5	6.4	○0012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 02095

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **002_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118168	Cao Quang	Trường	DH18CK		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
34	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	DH18CK		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
35	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK		10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
36	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	DH18CK		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
37	18118179	Vô Thanh	Tùng	DH18CK		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
38	18118181	Vũ Ngọc	Tuyền	DH18CK		10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
39	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK		10	6	9	8.2	0012345678910	0123456789
40	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK		10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
41	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK		10	6	8	7.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **34** Số sinh viên vắng **07**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019



Mã nhận dạng 02096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi **001_DH18TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138002	Vũ Hoài	Ân	DH18TD		10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
2	18138004	Phan Cao	Bằng	DH18TD		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
3	18138006	Đặng Văn	Bình	DH18TD		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
4	18138007	Hồ Quang	Cảnh	DH18TD		10	6	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
5	18138009	Lê Hữu	Chiến	DH18TD		10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
6	18137007	Đào Chí	Cường	DH18NL		5	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
7	17115019	Lê Thị Thùy	Dung	DH17GB		5	8	7.5	7.4	0012345678910	0123456789
8	18138020	Đỗ Quốc	Duy	DH18TD		10	5	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
9	18138021	Lê Thành	Duy	DH18TD		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
10	18138012	Huỳnh Phước	Đạt	DH18TD		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
11	18138013	Trần Quang	Đạt	DH18TD		10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
12	18153012	Trần Tấn	Đạt	DH18CD		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
13	18153010	Đặng Hải	Đặng	DH18CD		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
14	18138015	Nguyễn Công	Đinh	DH18TD		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
15	18138016	Nguyễn Long Ngọc	Đinh	DH18TD		5	6	2	3.5	0012345678910	0123456789
16	18137012	Nguyễn Ngọc	Đông	DH18NL		10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138023	Trần Trường	Giang	DH18TD		7	8	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
18	18138026	Phan Gia	Hiếu	DH18TD		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
19	18138027	Vũ Minh	Hòa	DH18TD		10	6	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
20	18137018	Nguyễn Duy	Hoài	DH18NL		10	8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
21	18138028	Trần Văn	Hoài	DH18TD		10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
22	18138029	Nguyễn Văn	Hoàng	DH18TD		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
23	18138030	Trần Lê	Huân	DH18TD		10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
24	18137021	Hồ Xuân	Hùng	DH18NL		7	8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
25	15137028	Nguyễn Hữu Quang	Huy	DH16NL		7	0	0	0.7	0012345678910	0123456789
26	18138037	Trần Trọng	Huy	DH18TD		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
27	18138032	Chung Hiệp	Hưng	DH18TD		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
28	18138033	Nguyễn Thế	Hưng	DH18TD		10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
29	18138042	Nguyễn Công	Khánh	DH18TD		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
30	18138044	Đình Trọng	Khôi	DH18TD		5	8	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
31	18138047	Lương Hoàng	Lâm	DH18TD		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
32	18138048	Nguyễn Văn	Lâm	DH18TD		10	10	4	6.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17115061	Nguyễn Thị Tú	Linh	DH17GB	<i>[Signature]</i>	10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
34	18138049	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
35	18138051	Đặng Hoàng	Long	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	8	3.5	9.5	0012345678910	0123456789
36	18138052	Hồ Thanh	Long	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
37	18138050	HỨA Phước	Lợi	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
38	18138056	Trần Trung	MỸ	DH18TD	<i>[Signature]</i>	7	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
39	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	DH18NL	<i>[Signature]</i>	10	8	3	4.9	0012345678910	0123456789
40	18138057	Trịnh Hữu	Nghĩa	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
41	18138059	Nguyễn Phúc	Nguyên	DH18TD	<i>[Signature]</i>	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
42	18138060	Lương Thanh	Nhân	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	6	8	7.6	0012345678910	0123456789
43	18138061	Kiều Tấn	Nhất	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
44	17118075	Thạch Dương	Phát	DH17CC	<i>[Signature]</i>	7	8	6	6.7	0012345678910	0123456789
45	18138062	Trần	Phát	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
46	18138063	Đỗ Thanh	Phong	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
47	18138065	Nguyễn Hồng	Phúc	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
48	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Phúc	DH18TD	<i>[Signature]</i>	10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138068	Nguyễn Quang	Phục	DH18TD		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
50	18138069	Trương Thanh	Phương	DH18TD		10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
51	18137036	Nguyễn Đình Anh	Quang	DH18NL		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
52	18138072	Lê Tấn	Quý	DH18TD		10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
53	18138074	Trần Đình	Sâm	DH18TD		10	9	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
54	17118092	Lê Văn	Son	DH17CK		7	8	1	3.7	0012345678910	0123456789
55	18138076	Lê Thành	Tài	DH18TD		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
56	18138077	Trịnh Tấn	Tài	DH18TD		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
57	18138078	Huỳnh Phạm Thu	Tâm	DH18TD		10	8.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
58	18138079	Đỗ Đoàn Duy	Tân	DH18TD		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
59	18138081	Nguyễn Trọng	Thiên	DH18TD		10	6	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
60	18138083	Nguyễn Đức	Thịnh	DH18TD		10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
61	18138086	Nguyễn Anh	Thuận	DH18TD		10	7	6	6.7	0012345678910	0123456789
62	18138087	Nguyễn Trần Minh	Thuận	DH18TD		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
63	18138088	Thái Minh	Thuận	DH18TD		10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
64	18138089	Trần Lê Triều	Thuận	DH18TD		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi

001_DH18TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138090	Nguyễn Cao	Thy	DH18TD		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
66	18138092	Ngô Công	Trí	DH18TD		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
67	18137043	Nguyễn Văn	Trí	DH18NL		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
68	18137044	Cao Khánh	Trúc	DH18NL		10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
69	18137047	Hồngnguyễn Phi	Trường	DH18NL		7	8	0	3.1	0012345678910	0123456789
70	18138097	Phan Bá	Trường	DH18TD		10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
71	18138098	Lý Hồng	Tuấn	DH18TD		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
72	18138099	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18TD		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
73	18138102	Ngô Lương	Vinh	DH18TD		0	8	5	5.4	0012345678910	0123456789
74	18153086	Nguyễn Việt	Ý	DH18CD		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
75	18137050	Nguyễn Thị	Yến	DH18NL		10	9.5	8	8.7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 70 Số sinh viên vắng 5...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 02/12/2019

Nguyễn Võ Ngọc Thạch
Trưởng Công Nhân



Mã nhận dạng 02092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_04

Tổ Thi 001_DH18CC_04

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ	Anh	DH18CC	Anh	10	5	7	6.7	0012345678910	0123456789
2	18138005	Lê Kim	Bảo	DH18TD	Bao	10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
3	18137002	Nguyễn Công	Bảo	DH18NL	hu	10	5	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
4	18118008	Phan Văn Chí	Bảo	DH18CC	Bao	10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
5	18153007	Trần Minh	Chiến	DH18CD	chu	10	7	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
6	18118011	Nguyễn Trung	Chính	DH18CK	CT	10	6	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
7	18118012	Tạ Đức Cao	Chương	DH18CC	ch	10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
8	18153011	Vô Thành	Danh	DH18CD	Thao	10	5	8	7.3	0012345678910	0123456789
9	18137013	Nguyễn Tiến	Dũng	DH18NL	huy	10	7	9.5	8.8	0012345678910	0123456789
10	18118029	Trần Vĩnh	Dụng	DH18CC	Phu	10	5	4	4.9	0012345678910	0123456789
11	18118033	Lê Phúc	Duy	DH18CC	Phu	10	7	2	4.3	0012345678910	0123456789
12	18118036	Ung Phương	Duy	DH18CC	huy	10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
13	18138019	Lê Tấn	Dương	DH18TD	Quang	10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
14	18118014	Bạch Thanh	Đại	DH18CC	Sen	10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
15	18118021	Nguyễn Tiến	Đạt	DH18CC	Đạt	10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
16	18118022	Phan Thành	Đạt	DH18CC	Pha	10	5	7	7.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_04

Tổ Thi 001_DH18CC_04

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118015	Nguyễn Hải	Đang	DH18CC		10	5	6	6.1	0012345678910	0123456789
18	18118024	Lê Xuân	Đức	DH18CC		10	8	8	8.5	0012345678910	0123456789
19	18118025	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CC		8	7	7	8.0	0012345678910	0123456789
20	18118039	Trần Tuấn	Hiệp	DH18CC		10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
21	17154028	Phạm Tử Hùng	Hiếu	DH17OT		0	7	0	2.1	0012345678910	0123456789
22	18137019	Trịnh Thế	Hoan	DH18NL		10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
23	17115049	Nguyễn Mạnh	Huyền	DH17GB		10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
24	18153030	Huỳnh Minh	Kha	DH18CD		10	6	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
25	18118057	Trần Trọng	Khiêm	DH18CC		10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
26	18118077	Thét Chủ	Long	DH18CC		10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
27	18137026	Huỳnh Đa	Lộc	DH18NL		10	6	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
28	18118069	Nguyễn Quý	Lộc	DH18CC		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
29	18118070	Trương Tuấn	Lộc	DH18CC		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
30	18118078	Hồ Minh	Luân	DH18CC		10	5	7	6.7	0012345678910	0123456789
31	18118079	Nguyễn Trọng	Luận	DH18CC		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
32	18138054	So Tấn	Lũy	DH18TD		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_04

Tổ Thi 001_DH18CC_04

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118086	Bùi Thị Trà	My	DH18CC		10	8	1	40	0012345678910	0123456789
34	18118088	Lê Đại	Nghĩa	DH18CC		10	6	0.5	3.1	0012345678910	0123456789
35	18118090	Phan Trung	Nghĩa	DH18CC		10	7	4	6.5	0012345678910	0123456789
36	18118094	Bồ Tấn	Nhân	DH18CC		7	6	6	6.1	0012345678910	0123456789
37	18118100	Dương Thị Tuyết	Nhi	DH18CC		10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
38	18118120	Lê Tấn	Tài	DH18CC		7	5	3	4.0	0012345678910	0123456789
39	18118122	Nguyễn Minh	Tâm	DH18CC		10	9	6	7.3	0012345678910	0123456789
40	18137039	Phạm Trương Quang	Tân	DH18NL		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
41	18118127	Lương Văn	Thái	DH18CC		10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
42	18118128	Phạm Văn	Thái	DH18CC		10	7	9	8.5	0012345678910	0123456789
43	18118129	Phan Quốc	Thái	DH18CC		10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
44	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	DH18CC		10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
45	18118131	Nguyễn Minh	Thắng	DH18CC		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
46	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	DH18CC		10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
47	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	DH18CC		10	7	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
48	18137041	Trần Văn	Thọ	DH18NL		10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_04

Tổ Thi 001_DH18CC_04

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118222	Châu Ngọc	Ti	DH18CC	<i>Th</i>	10	6	8	7.6	0012345678910	0123456789
50	18118152	Dương Minh	Tiến	DH18CC	<i>Th</i>	10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
51	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK	<i>Th</i>	10	5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
52	18138095	Đào Đức	Trung	DH18TD	<i>Th</i>	10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
53	18138096	Hồ Duy Thiện	Trung	DH18TD	<i>Th</i>	10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
54	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC	<i>Th</i>	7	5	3	4.0	0012345678910	0123456789
55	18137045	Nguyễn Đỗ	Trung	DH18NL	<i>Th</i>	10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
56	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC	<i>Th</i>	10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
57	18118167	Phạm Tấn	Trung	DH18CK	<i>Th</i>	10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
58	18137046	Phan Khánh	Trung	DH18NL	<i>Th</i>	10	6	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
59	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC	<i>Th</i>	10	6	0	2.8	0012345678910	0123456789
60	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC	<i>Th</i>	10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
61	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC	<i>Th</i>	10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
62	18118183	Nguyễn Hồ Phú	Vinh	DH18CC	<i>Th</i>	10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
63	18118185	Trần Phúc	Vinh	DH18CC	<i>Th</i>	10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
64	18118186	Hoàng Long	Vũ	DH18CC	<i>Th</i>	10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109) Số Tin Ch 2
Nhóm Thi DH18CC_04 Tổ Thi 001_DH18CC_04 Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch
Ngày Thi 04/01/2020 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 60 Số sinh viên vắng A...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thị Hồng Diệp


N. V. Kiệp


Trương Công Tiến


Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_05**

Tổ Thi

001_DH18CD_05

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh	An	DH18CD		7	8	2	4.3	0012345678910	0123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn	Anh	DH18TD		10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
3	18153002	Trương Quốc	Anh	DH18CD		7	8	3	4.9	0012345678910	0123456789
4	18153003	Đình Quốc	Bảo	DH18CD		10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
5	18153004	Nguyễn Ngọc	Bảo	DH18CD		10	7	6	6.7	0012345678910	0123456789
6	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	DH18CK		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
7	18153005	Phan Chí	Bảo	DH18CD		10	9.5	6.5	7.8	0012345678910	0123456789
8	18138040	Nguyễn Ngọc	Khải	DH18TD		10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
9	18153006	Trần Hữu	Chí	DH18CD		10	5	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
10	18137006	Bùi Văn	Cường	DH18NL		10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
11	17118015	Đặng Ái	Cường	DH17CK		7	0	0	0.7	0012345678910	0123456789
12	18153009	Ngô Mạnh	Cường	DH18CD		10	7	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
13	18153015	Đỗ Trung	Dương	DH18CD		10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
14	18153016	Nguyễn Thái	Dương	DH18CD		10	9	5	6.7	0012345678910	0123456789
15	18153014	Bùi Hữu	Đức	DH18CD		10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
16	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK		10	7.5	4.5	6.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tổ Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153017	Nguyễn Bảo	Giang	DH18CD	<i>Cao</i>	10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
18	18153018	Lê Thanh	Hải	DH18CD	<i>Hai</i>	10	9	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
19	18137017	Huỳnh Thanh	Hiếu	DH18NL	<i>Thanh</i>	10	8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
20	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	DH18CD	<i>Zar</i>	7	5	1.5	3.1	0012345678910	0123456789
21	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	DH18CD	<i>Phuc</i>	10	8.5	6.5	7.5	0012345678910	0123456789
22	18153025	Phạm Ngọc	Hòa	DH18CD	<i>Pham</i>	✓ 0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
23	18153026	Đoàn Ngọc	Hoàng	DH18CD	<i>Hoang</i>	10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
24	17137022	Huỳnh Nhựt	Hồ	DH17NL	<i>Huynh</i>	10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
25	17138021	Nguyễn Đình	Hồ	DH17TD	<i>Nguyen</i>	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
26	18138034	Lê Thanh	Huy	DH18TD	<i>Thanh</i>	10	10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
27	15137027	Nguyễn Hoàng	Huy	DH15NL	<i>Nguyen</i>	10	7.3	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
28	18138036	Phan Trần Hoàng	Huy	DH18TD	<i>Phan</i>	7	8	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
29	18153029	Trương Vĩnh	Huy	DH18CD	<i>Truong</i>	5	5	2.5	3.5	0012345678910	0123456789
30	18153027	Trần Ngọc	Hưng	DH18CD	<i>Tran</i>	10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
31	18138041	Lê Phúc	Khang	DH18TD	<i>Le</i>	10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
32	17118047	Nguyễn Hữu	Khang	DH17CK	<i>Nguyen</i>	0	8	2	3.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tổ Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153033	Nguyễn Viết Vinh	Khang	DH18CD		10	5	0.5	2.8	0012345678910	0123456789
34	18138043	Nguyễn Duy	Khánh	DH18TD		10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
35	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	DH18CD		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
36	18118058	Đào Đăng	Khoa	DH18CC		10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
37	18153036	Trần Việt	Khoa	DH18CD		10	6.5	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
38	18153037	Nguyễn Minh	Khôi	DH18CD		10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789
39	18138046	Phạm Văn Tiểu	KỲ	DH18TD		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
40	17118052	Bùi Thanh	Lâm	DH17CK		10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
41	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD		10	9.5	8	8.7	0012345678910	0123456789
42	18153041	Lâm Hoàng	Long	DH18CD		10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	18153043	Nguyễn Thành	Long	DH18CD		10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
44	18153045	Vô Hoàng	Luân	DH18CD		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
45	18153047	Huỳnh Minh	Mẫn	DH18CD		10	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
46	16115111	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DH16GN		4	8	3	4.6	0012345678910	0123456789
47	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD		10	5	3	4.3	0012345678910	0123456789
48	17118064	Phan Trọng	Nghĩa	DH17CK		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tổ Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118072	Nguyễn Minh	Nhật	DH17CK		10	5.5	5	5.7	0012345678910	0123456789
50	18153050	Nguyễn Minh	Nhật	DH18CD		10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
51	18153051	Trần Minh	Nhật	DH18CD		10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
52	18153053	Nguyễn Công Xuân	Phú	DH18CD		10	5.5	3	4.5	0012345678910	0123456789
53	18138064	Mai Bùi Hồng	Phúc	DH18TD		10	7.5	9	8.7	0012345678910	0123456789
54	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD		10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
55	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	DH18CD		10	9.5	6.5	7.8	0012345678910	0123456789
56	18153058	Trần Minh	Quang	DH18CD		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
57	18153060	Phạm Thanh	Quel	DH18CD		10	5	7.5	7.0	0012345678910	0123456789
58	18153061	Mai Diệp	Quốc	DH18CD		10	6	1.5	3.7	0012345678910	0123456789
59	18153062	Nguyễn Ngọc	Quynh	DH18CD		10	9	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
60	18153063	Tôn Thế Trung	Son	DH18CD	✓	10	5	0	2.5	0012345678910	0123456789
61	18153064	Đoàn Văn	Tân	DH18CD		10	5	4	4.0	0012345678910	0123456789
62	18118124	Nguyễn Khắc	Tân	DH18CK		10	10	5	7.0	0012345678910	0123456789
63	18153065	Lương Viết	Tây	DH18CD		10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789
64	17154088	Võ Văn	Thạch	DH17OT	✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện(207109)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tổ Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17118102	Lê Tấn Phú	Thanh	Thanh		10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
66	18153073	Nguyễn Tấn	Thuận	Thuận		10	5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
67	18118155	Nguyễn Phát	Tin			10	6.5	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
68	18153077	Nguyễn Minh	Trí			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
69	18153078	Tô Trung	Trực			10	5.5	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
70	18153080	Dương Nguyễn Khang	Trường		✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
71	18153082	Hà Minh	Tùng	Tùng		10	7.5	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
72	17138063	Tạ Minh	Tuyên		✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
73	18118180	Trần Văn	Tuyên			10	5	0.5	2.8	0012345678910	0123456789
74	18153083	Phạm Khải	Tường			10	5.5	5	5.8	0012345678910	0123456789
75	14118093	Trần Phước	Vinh		✓	7	8	0	2.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65 Số sinh viên vắng 10

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 02/12/2019

Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nguyên lý máy(207111)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **02/01/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118197	Vũ Đức	Dũng	DH18CKC						0012345678910	0123456789
2	18118192	Lê Tiến	Đạt	DH18CKC	2/4	1	25	35	70	0012345678910	0123456789
3	18118193	Nguyễn Lê Minh	Đạt	DH18CKC						0012345678910	0123456789
4	18118191	Trần Hải	Đang	DH18CKC						0012345678910	0123456789
5	18118194	Đào Phúc	Đức	DH18CKC						0012345678910	0123456789
6	18118195	Trần Nguyễn Trí	Đức	DH18CKC	Đ	1	21	35	66	0012345678910	0123456789
7	18118200	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DH18CKC	HT	1	24	46	80	0012345678910	0123456789
8	18118202	Trần Văn	Hoài	DH18CKC	HT	1	3	56	96	0012345678910	0123456789
9	18118204	Phạm Đăng	Huy	DH18CKC	Huy	05	3	37	72	0012345678910	0123456789
10	18118205	Trần Duy	Khang	DH18CKC	Phuoc	06	24	25	55	0012345678910	0123456789
11	18118207	Trịnh Ngọc	Lâm	DH18CKC	L	08	3	32	70	0012345678910	0123456789
12	18118208	Nguyễn Bá	Long	DH18CKC	Long	1	21	56	87	0012345678910	0123456789
13	18118209	Phạm Bùi Hải	Long	DH18CKC	Long	1	21	49	80	0012345678910	0123456789
14	18118210	Phạm Trung	Long	DH18CKC	Long	1	3	32	72	0012345678910	0123456789
15	18118212	Nguyễn Xuân	Nguyên	DH18CKC	nguyen	1	21	21	52	0012345678910	0123456789
16	18118108	Nguyễn Huy	Phúc	DH18CKC	phuc		3	28	58	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02103

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 02/01/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118214	Nguyễn Hoài	Sang	DH18CKC		0.6	2.1	5.6	8.3	0012345678910	0123456789
18	18118215	Hoàng Thái	Son	DH18CKC		0.7	3	6.3	10.0	0012345678910	0123456789
19	18118217	Nguyễn Trung	Tin	DH18CKC		0.8	2.1	1.4	4.3	0012345678910	0123456789
20	18118218	Phạm Văn	Tinh	DH18CKC		1	3	0.3	9.3	0012345678910	0123456789
21	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trâm	DH18CKC			3	2	5.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 17. Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Lê Khắc Quý

Nguyễn Văn Công Chính

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

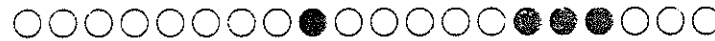
Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm 70 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118197	Vũ Đức	Dũng	DH18CKC			/	/	/	0012345678910	0123456789
2	18118192	Lê Tiến	Đạt	DH18CKC	<i>Đạt</i>		2.1	4.2	6.3	0012345678910	0123456789
3	18118193	Nguyễn Lê Minh	Đạt	DH18CKC			/	/	/	0012345678910	0123456789
4	18118191	Trần Hải	Đặng	DH18CKC	<i>Đặng</i>		/	2	2.0	0012345678910	0123456789
5	18118194	Đào Phúc	Đức	DH18CKC			/	/	/	0012345678910	0123456789
6	18118195	Trần Nguyễn Trí	Đức	DH18CKC	<i>Đức</i>		3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
7	18118200	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DH18CKC	<i>Thu</i>	1	1.8	6.3	9.1	0012345678910	0123456789
8	18118202	Trần Văn	Hoài	DH18CKC	<i>Hoài</i>		3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
9	18118204	Phạm Đăng	Huy	DH18CKC	<i>Huy</i>	1	3	3.5	7.5	0012345678910	0123456789
10	18118205	Trần Duy	Khang	DH18CKC	<i>Khang</i>	1	2.7	2.6	6.3	0012345678910	0123456789
11	18118207	Trịnh Ngọc	Lâm	DH18CKC	<i>Lâm</i>		1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
12	18118208	Nguyễn Bá	Long	DH18CKC	<i>Long</i>		2.1	3.2	5.3	0012345678910	0123456789
13	18118209	Phạm Bùi Hải	Long	DH18CKC	<i>Long</i>	08	2.7	2.8	6.3	0012345678910	0123456789
14	18118210	Phạm Trung	Long	DH18CKC	<i>Long</i>		3	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
15	13153014	Trịnh Đình	Minh	DH13CD	<i>Minh</i>		1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
16	18118212	Nguyễn Xuân	Nguyễn	DH18CKC	<i>Nguyễn</i>		2.4	0.7	3.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118108	Nguyễn Huy	Phúc	DH18CKC		0.8	1.5	0.7	3.0	0012345678910	0123456789
18	18118214	Nguyễn Hoài	Sang	DH18CKC		1	1.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
19	18118215	Hoàng Thái	Son	DH18CKC			2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
20	18118217	Nguyễn Trung	Tín	DH18CKC		1	1.5	0.7	3.2	0012345678910	0123456789
21	18118218	Phạm Văn	Tinh	DH18CKC			3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
22	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trâm	DH18CKC			2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 19... Số sinh viên vắng ...3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC				3,2	4,5	7,7	0012345678910	0123456789
2	17118004	Lương Tú Anh	DH17CC							0012345678910	0123456789
3	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC				2,9	3,0	5,9	0012345678910	0123456789
4	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC				3,2	3,5	6,7	0012345678910	0123456789
5	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC				2,7	5,0	7,7	0012345678910	0123456789
6	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC				1,6	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
7	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC				3,7	4,5	8,2	0012345678910	0123456789
8	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC				2,9	4,0	6,9	0012345678910	0123456789
9	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC				2,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
10	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC				3,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
11	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC				3,2	3,5	6,7	0012345678910	0123456789
12	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC				2,9	4,0	6,9	0012345678910	0123456789
13	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC				3,2	2,0	5,2	0012345678910	0123456789
14	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC				2,7	5,0	7,7	0012345678910	0123456789
15	16118086	Nguyễn Đại Lộc	DH16CC				2,1	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
16	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC				2,9	3,0	5,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118067	Lý Thái	Nguyên	<i>[Signature]</i>			3,5	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
18	16118107	Huỳnh Hữu	Nhân	<i>[Signature]</i>			3,2	3,0	6,2	0012345678910	0123456789
19	17118068	Huỳnh Lê	Nhân	<i>[Signature]</i>			3,5	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
20	17118069	Lê Văn	Nhân	<i>[Signature]</i>			2,7	4,5	7,2	0012345678910	0123456789
21	17118070	Trần Trọng	Nhân	<i>[Signature]</i>			3,2	4,0	7,2	0012345678910	0123456789
22	17118071	Phạm Long	Nhật	<i>[Signature]</i>			2,7	4,0	6,7	0012345678910	0123456789
23	17118073	Nguyễn Minh	Nhật	<i>[Signature]</i>			3,2	4,0	7,2	0012345678910	0123456789
24	17118074	Trần Long	Nhật	<i>[Signature]</i>			2,4	1,0	3,4	0012345678910	0123456789
25	17118075	Thạch Dương	Phát	<i>[Signature]</i>			3,2	5,0	8,2	0012345678910	0123456789
26	17118077	Bùi Thanh	Phong	<i>[Signature]</i>			3,7	5,0	8,7	0012345678910	0123456789
27	17118079	Đặng Nguyên Hoài	Phú	<i>[Signature]</i>			2,9	5,0	7,9	0012345678910	0123456789
28	17118081	Ngô Hoàng	Phúc	<i>[Signature]</i>			2,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
29	17118082	Nguyễn Hoàng	Phúc	<i>[Signature]</i>			2,7	5,0	7,7	0012345678910	0123456789
30	17118083	Trần Thanh	Phúc	<i>[Signature]</i>			3,7	5,0	8,7	0012345678910	0123456789
31	17118084	Đỗ Hữu	Phước	<i>[Signature]</i>			3,2	4,0	7,2	0012345678910	0123456789
32	17118089	Phạm Bùi Tấn	Sang	<i>[Signature]</i>			3,5	3,0	6,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14118237	Trần Quốc	Sang				2,4	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
34	16118135	Nguyễn Văn	Son				3,2	3,0	6,2	0012345678910	0123456789
35	17118097	Lê Quốc	Tân				3,5	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
36	17118099	Đỗ Đại	Thạch				3,5	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
37	17118100	Đoàn Tấn	Thành				2,7	4,5	7,2	0012345678910	0123456789
38	17118113	Huỳnh Hữu	Thức				1,6	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
39	17118114	Bùi Minh	Thượng				2,9	3,5	6,4	0012345678910	0123456789
40	17118121	Lê Hoàng	Triều				3,2	5,0	8,2	0012345678910	0123456789
41	17118123	Huỳnh Hữu	Trọng				4,0	5,0	9,0	0012345678910	0123456789
42	17118124	Trần Hữu	Trọng				2,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
43	17118126	Nguyễn Thành	Trung				3,7	2,5	6,2	0012345678910	0123456789
44	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn				2,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
45	17118133	Phùng Văn Quốc	Tuấn				2,9	4,0	6,9	0012345678910	0123456789
46	17118135	Đàng Năng San	U				3,5	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
47	16118171	Đoàn Đình	Văn				2,4	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
48	17118141	Nguyễn Trọng Anh	Vũ				3,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)** Số Tin Ch **2**
 Nhóm Thi **DH17CC_01** Tổ Thi **001_DH17CC_01** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**
 Ngày Thi **23/12/2019** Giờ Thi **14:45** Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16118178	Phan Hoàng	Vũ	<i>Vũ</i>			40	2,8	3,0	5,7	0012345678910
50	17118143	Nguyễn Hải	Vương	<i>Hải</i>			3,5	5,0	5,5	0012345678910	00123456789

Số sinh viên dự thi **49** Số sinh viên vắng **1**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong
Ngô Võ Ngọc Thảo

TS. Lê Thanh Tiệp

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân	Anh	DH19CK	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng	Ân	DH19CC	<i>HL</i>	7,0	4,0	5,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
3	19118005	Lương Thái	Ban	DH19CC	<i>By</i>	7,0	4,0	6,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
4	19118006	Nguyễn Thành	Băng	DH19CK	<i>Th</i>	9,0	7,0	7,5	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
5	19118007	Dương Gia	Bảo	DH19CK	<i>Ja</i>	5,0	4,0	3,0	3,6	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
6	19118008	Lê Đình	Bảo	DH19CC	<i>Ba</i>	9,0	4,0	5,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
7	19118010	Lê Thái Thiên	Bảo	DH19CK	<i>Pro</i>	5,0	4,0	2,0	3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118011	Ngô Quốc	Bảo	DH19CK	<i>ba</i>	7,0	4,0	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118017	Đỗ Tấn	Cảnh	DH19CC	<i>Ja</i>	9,0	4,0	5,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	19118019	Lê Minh	Chiến	DH19CK	<i>Ch</i>	7,0	5,0	3,5	4,5	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	19118021	Hồ Thanh	Chon	DH19CK	<i>Chon</i>	7,0	4,0	2,5	3,7	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
12	19118022	Đặng Mai	Chung	DH19CK	<i>Thuy</i>	9,0	4,0	4,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118025	Diệp Kiến	Cường	DH19CK	<i>Quang</i>	9,0	4,0	3,0	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
14	19118030	Chế Nguyễn Văn	Danh	DH19CK	<i>Phu</i>	7,0	4,0	3,5	4,3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
15	19118031	Trần Đức	Danh	DH19CK	<i>Phu</i>	7,0	4,0	7,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
16	19118048	Dương Hoàng	Duy	DH19CC	<i>Phu</i>	7,0	4,0	3,5	4,3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Mã nhận dạng 02111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118050	Nguyễn Ngọc	Duy	Duy		7,0	4,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
18	19118052	Văn Thành	Duy	Duy		7,0	5,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
19	19118029	Nguyễn Hữu	Đang	Đang		7,0	4,0	8,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	19118034	Nguyễn Công	Đạt	Đạt		9,0	5,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
21	19118040	Lê Văn	Đô	Đô		7,0	4,0	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
22	19118042	Trần Hữu	Đức	Đức		7,0	4,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
23	19118055	Lê Tấn	Hải	Hải		7,0	5,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
24	19118060	Dương Trung	Hậu	Hậu		9,0	5,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
25	19118061	Lê Lý	Hậu	Hậu		9,0	4,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
26	19118064	Ngô Thành	Hiệp	Hiệp						0012345678910	0123456789
27	19118067	Phạm Trung	Hiếu	Hiếu		7,0	5,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
28	19118070	Nguyễn Văn	Hoan	Hoan		7,0	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
29	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	Hoàng		9,0	4,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
30	19118073	Lưu Minh	Hoàng	Hoàng		5,0	4,0	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
31	19118076	Nguyễn Việt	Hoàng	Hoàng		1,0	4,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
32	19118079	Trần Lê Phúc	Hội	Hội		9,0	5,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118088	Hà Quang	Huy	<i>Huy</i>	✓	7,0	6,0	7,0	6,8	0012345●78910	01234567●9
34	19118089	Huỳnh Anh	Huy		✓					●012345678910	0123456789
35	19118093	Nguyễn Minh	Huy	<i>Minh</i>		7,0	4,0	5,0	5,2	001234●678910	01●3456789
36	19118098	Trần Quốc	Huy	<i>Huy</i>		5,0	3,0	2,5	3,5	0012●45678910	01234●6789
37	19118081	Ngô Trung	Hưng	<i>Trung</i>		7,0	5,0	2,0	3,6	0012●45678910	012345●789
38	19118083	Nguyễn Duy	Hưng	<i>Duy</i>		7,0	4,0	2,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
39	19118109	Trần Đăng	Khoa	<i>ĐDh</i>		9,0	5,0	5,0	5,8	001234●678910	01234567●9
40	19118111	Đặng Hoàng	Kiệt	<i>H</i>		7,0	5,0	5,0	5,6	001234●678910	012345●789
41	19118112	Ngô Tấn	Kiệt	<i>Tấn</i>		7,0	5,0	7,5	6,9	0012345●78910	012345678●9
42	19118113	Nguyễn Duy	Kiệt	<i>Duy</i>		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
43	19118116	Lâm Văn	La	<i>La</i>		7,0	4,0	6,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
44	19118118	Nguyễn Tùng	Lâm	<i>Tùng</i>		9,0	6,0	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
45	19118121	Nguyễn Cảnh	Liêm	<i>Liêm</i>		9,0	5,0	5,5	7,9	00123456●8910	012345678●9
46	19118123	Nguyễn Như	Linh	<i>Linh</i>		7,0	4,0	7,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
47	19118125	Nguyễn Văn	Linh	<i>Văn</i>		7,0	4,0	7,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
48	19118127	Nguyễn Bình	Lộc	<i>Bình</i>		7,0	4,0	6,0	4,6	00123●5678910	012345●789



Mã nhận dạng 02111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118128	Trần Thanh	Lộc	<i>loc</i>		9,0	6,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
50	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	<i>loi</i>		7,0	4,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
51	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	<i>lu</i>		7,0	5,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
52	19118135	Trần Hữu	Luân	<i>lu</i>		7,0	4,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
53	19118137	Bùi Duy	Lũy	<i>luy</i>		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
54	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	<i>hang</i>		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
55	19118141	Trần Công	Mạnh		✓					0012345678910	0123456789
56	19118142	Đặng Nguyễn Nhật	Minh	<i>minh</i>		7,0	4,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
57	19118143	Lê Công	Minh	<i>chi</i>		7,0	6,0	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
58	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	<i>lu</i>		9,0	7,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
59	19118147	Hoàng Phương	Nam	<i>nam</i>		9,0	4,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
60	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	<i>hu</i>		9,0	4,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
61	19118149	Lâm Nhật	Nam	<i>lu</i>		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
62	19118151	Trần Duy Nhật	Nam	<i>nam</i>		9,0	4,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
63	19118153	Nguyễn Minh	Nghĩa		✓					0012345678910	0123456789
64	19118158	Lê Hoàng Minh	Ngọc	<i>ngoc</i>		7,0	4,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)** Số Tin Ch 3
Nhóm Thi **DH19CK_01** Tổ Thi **001_DH19CK_01** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**
Ngày Thi **23/12/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118159	Đình Quang	Nguyễn	DH19CC	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	19118160	Trần Bá	Nguyễn	DH19CC	✓	7,0	4,0	4,0	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	19118167	Phạm Thế	Nhật	DH19CK	Nhật	10,0	6,0	7,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	19118168	Thân Văn	Nhớ	DH19CK	✓	9,0	4,0	1,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	19118171	Trần Trường	Phát	DH19CK	✓	9,0	4,0	1,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	19118177	Nguyễn Trường	Phong	DH19CC	✓	7,0	4,0	4,0	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	19118183	Phạm Công	Phương	DH19CK	✓	7,0	4,0	4,5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	19118184	Phạm Minh	Phương	DH19CK	✓	9,0	4,0	2,0	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	19118188	Bùi Nguyễn	Quang	DH19CC	✓	9,0	6,0	6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	19118189	Lê Vinh	Quang	DH19CK	✓	7,0	0,0	2,0	2,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	19118187	Trương Quang	Quân	DH19CK	✓	7,0	4,0	5,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 69 Số sinh viên vắng 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

Nguyễn Thanh Phong
Phạm Duy Lâm

TS. Vũ Đức Tiến

Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **002_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118191	Trương Thanh	Quý	DH19CK		9,0	6,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	19118193	Huỳnh Văn	Quyết	DH19CK		7,0	5,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	19118198	Nguyễn Trường	Sơn	DH19CK		9,0	4,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	19118214	Lê Ngọc	Thanh	DH19CK		9,0	4,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
5	19118216	Nguyễn Tiến	Thành	DH19CK		9,0	5,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	19118209	Nguyễn Thanh	Thắng	DH19CC		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
7	19118210	Phạm Chiến	Thắng	DH19CK						0012345678910	0123456789
8	19118212	Trần Quốc	Thắng	DH19CK		9,0	4,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
9	19118222	Nguyễn Trần Xuân	Thiên	DH19CK		9,0	4,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
10	19118224	Lâm Thanh	Thiện	DH19CC		9,0	4,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
11	19118232	Ngô Kế Minh	Thuận	DH19CK		9,0	5,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
12	19118233	Nguyễn Nam	Thuận	DH19CC		7,0	9,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
13	19118235	Trần Thành	Tiến	DH19CC		9,0	4,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
14	19118238	Trần Minh	Tiến	DH19CC		9,0	5,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	19118241	Trần Hữu	Tín	DH19CK		7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
16	19118242	Phan Đăng Hoài	Tình	DH19CK		9,0	7,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **002_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118243	Nguyễn Tấn	Tĩnh	Dinh		7,0	5,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
18	19118252	Nguyễn Trần Minh	Trí	Minh		7,0	5,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
19	18118160	Phạm Minh	Triết							0012345678910	0123456789
20	19118257	Trương Minh	Trung	Trung		9,0	4,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
21	19118259	Nguyễn Đức	Trường	Đức		9,0	5,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
22	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	Ng		9,0	4,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
23	19118264	Cao Linh	Tuấn	Tuan		9,0	4,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
24	19118266	Nguyễn Công	Tuấn	Con		7,0	4,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
25	19118271	Phạm Bá	Tường	Tuong		9,0	4,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
26	19118272	Nguyễn Quốc	Vĩ	Qu		9,0	5,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
27	19118274	Tăng Quốc	Việt	Quach		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
28	19118276	Phạm Thái Bảo	Vinh	Vinh		7,0	4,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
29	19118278	Phan Văn	Vĩnh	Vinh		9,0	4,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
30	19118282	Nguyễn Quốc	Vương	Qu		7,0	7,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
31	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	Tuan		9,0	5,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
32	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	Yên	Phu		7,0	4,0	6,5	6,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 002_DH19CK_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 30 Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Ngô Hải Đăng

TS. Võ Hải Tiên

Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137001	Nguyễn Duy	An	DH19NL	An	7,0	5,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
2	19137002	Châu Thanh Hoàng	Anh	DH19NL	Anh	7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
3	18153002	Trương Quốc	Anh	DH18CD	Qu	9,0	5,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
4	18118006	Triệu Xuân	Bách	DH18CK						0012345678910	0123456789
5	19137004	Nguyễn Chí	Bảo	DH19NL	MC	7,0	7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
6	15137005	Nguyễn Đức	Bừu	DH15NL						0012345678910	0123456789
7	19137005	Nguyễn Hữu	Chấn	DH19NL	Chấn	7,0	4,0	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
8	19137006	Lê Ngô	Chí	DH19NL	Chí	7,0	4,0	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
9	19137007	Nguyễn Vương	Chiến	DH19NL	Chiến	7,0	6,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
10	18137007	Đào Chí	Cường	DH18NL	Cường	0,0	0,0	5,0	3,0	0012345678910	0123456789
11	19137009	Huỳnh Tấn	Cường	DH19NL	Cung	7,0	7,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
12	19137011	Nguyễn Long	Cường	DH19NL	Cuong	9,0	7,0	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
13	18118033	Lê Phúc	Duy	DH18CC	Phuc	7,0	5,0	7,5	6,9	0012345678910	0123456789
14	19137012	Nguyễn Văn	Đàm	DH19NL	Van	5,0	5,0	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
15	19137013	Hồ Dương Tuấn	Đạt	DH19NL	Da	5,0	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
16	18118021	Nguyễn Tiến	Đạt	DH18CC	Tien	9,0	6,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02113

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 2

SIT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137014	Trần Minh	Đạt	Dat		5,0	4,0	1,0	2,4	0010345678910	0123456789
18	18118015	Nguyễn Hải	Đang	Ha		5,0	7,0	2,0	3,6	0012045678910	0123456789
19	18118025	Nguyễn Huỳnh	Đức	Hu		5,0	7,0	2,0	3,6	0012045678910	0123456789
20	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	Hu		10,0	7,0	1,5	4,3	0012305678910	0123456789
21	16153021	Nguyễn Nhật	Hải	Nh		9,0	7,0	5,5	6,5	0012345078910	0123456789
22	19137017	Nguyễn Thanh	Hải	Th		7,0	5,0	2,0	3,6	0012045678910	0123456789
23	19137018	Phạm Duy	Hạnh	Ph		9,0	7,0	5,5	6,5	0012345078910	0123456789
24	19137020	Nguyễn Trung	Hậu	Ng		9,0	7,0	5,5	6,5	0012345078910	0123456789
25	18118039	Trần Tuấn	Hiệp	Tr		9,0	5,0	5,0	5,8	0012340678910	0123456789
26	19137021	Phạm Công	Hoàng	Ph		9,0	4,0	5,0	5,6	0012340678910	0123456789
27	19137022	Phạm Văn Trí	Hùng	Ph		9,0	5,0	7,5	7,3	0012345608910	0123456789
28	19137025	Nguyễn Minh	Huy	Ng		7,0	6,0	6,5	6,5	0012345078910	0123456789
29	19137026	Nguyễn Phúc Gia	Huy	Ng		9,0	5,0	4,0	5,2	0012340678910	0123456789
30	19137027	Nguyễn Trần Gia	Huy	Ng		5,0	4,0	3,0	3,6	0012045678910	0123456789
31	19137028	Sầm Khắc	Huy	Sam		9,0	6,0	8,0	7,8	0012345608910	0123456789
32	19137029	Trần Văn	Huy	Tr		7,0	5,0	5,0	5,4	0012340678910	0123456789

Mã nhận dạng 02113

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137023	Ngô Trần	Hưng	Hưng		7,0	5,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
34	19137024	Bùi Ngô Gia	Hữu	Hữu		5,0	5,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
35	19137031	Đặng Hoàng	Khang	Khang		7,0	5,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
36	19137032	Nguyễn Hoàng	Khang	Hoàng		9,0	6,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
37	19137033	Nguyễn Duy	Khánh	Khánh		9,0	7,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
38	18137024	Trần Đăng	Khoa	Trần		0,0	0,0	2,0	1,2	0012345678910	0123456789
39	19137035	Vũ Đăng	Khoa	Đăng						0012345678910	0123456789
40	19137038	Phạm Đình	Khôi	Phạm		9,0	4,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
41	18118071	Huỳnh Quốc	Long	Long		9,0	7,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
42	19137041	Nguyễn Phúc	Lộc	Phúc		5,0	4,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
43	18153047	Huỳnh Minh	Mân	Minh		7,0	5,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
44	19137042	Bùi Thị Yến	Mi	Yến		7,0	6,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
45	18118082	Nguyễn Đình	Minh	Minh		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
46	19137043	Phạm Nhật	Nam	Nhật		9,0	5,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
47	18118088	Lê Đại	Nghĩa	Đại		5,0	5,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
48	19137044	Nguyễn Hoàng	Ngoan	Hoàng		9,0	6,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02113

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngọc	Ngọc	✓	7,0	5,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
50	19137046	Nguyễn Phúc	Nguyễn	Nguyễn	✓	5,0	4,0	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
51	19137047	Đào Thành	Nhân		✓					0012345678910	0123456789
52	19137048	Hoàng Công	Nhật	Nhật	✓	7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
53	19137049	Đỗ Minh	Phát	Phát	✓	7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
54	19137050	Trần Hoàng	Phi		✓					0012345678910	0123456789
55	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	Quang	Quang	✓	7,0	5,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
56	19137053	Nguyễn Nhựt	Quang		✓					0012345678910	0123456789
57	18153057	Trần Minh	Quang		✓					0012345678910	0123456789
58	18153059	Vũ Thế	Quang	Quang	✓	9,0	4,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
59	19137051	Phạm Trung	Quân	Quân	✓	9,0	7,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
60	19137054	Huỳnh Thị Ngọc	Quý	Quý	✓	9,0	6,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
61	19137055	Nguyễn Thị Yến	Quyên	Quyên	✓	9,0	8,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
62	19137056	Trần Nguyễn	Sang	Sang	✓	5,0	4,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
63	19137057	Thái Đức	Son	Son	✓	5,0	4,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
64	19137058	Cao Tấn	Tài		✓					0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02113

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 26%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19137060	Hoàng Nhân	Tài	DH19NL		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
66	19137059	Hồ Anh	Tài	DH19NL						0012345678910	0123456789
67	19137061	Lương Ngọc	Tân	DH19NL		9,0	6,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
68	19137062	Nguyễn Đăng	Tân	DH19NL		7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
69	19137063	Vô Nhật	Tân	DH19NL		5,0	4,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
70	19137066	Châu Văn	Thanh	DH19NL		9,0	6,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
71	19137068	Huỳnh Chí	Thành	DH19NL		9,0	7,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
72	19137069	Nguyễn Công	Thành	DH19NL		9,0	6,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
73	19137070	Nguyễn Quốc	Thành	DH19NL		5,0	4,0	5,0	4,8	0012345678910	0123456789
74	18118130	Huỳnh Ngọc	Thắng	DH18CK						0012345678910	0123456789
75	19137065	Phạm Phước	Thắng	DH19NL						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **64** Số sinh viên vắng **11**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019



Mã nhận dạng 02114

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **002_DH19NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118145	Huỳnh Hữu	Thọ	DH18CK		9,0	5,0	15	3,7	00012345678910	0123456789
2	19137071	Bùi Quang	Thoại	DH19NL		3,0	4,0	30	3,6	00012345678910	0123456789
3	18118146	Mai Viết	Thông	DH18CK						00012345678910	0123456789
4	18118148	Đỗ Thành	Thu	DH18CK		9,0	7,0	70	7,4	00012345678910	0123456789
5	18118154	Bùi Thanh	Tiền	DH18CK		0,0	4,0	4,0	3,2	00012345678910	0123456789
6	18118153	Nguyễn Trọng	Tiến	DH18CK		10,0	6,0	8,0	8,0	00012345678910	0123456789
7	17137068	Trần Hữu	Tin	DH17NL		9,0	6,0	6,0	6,6	00012345678910	0123456789
8	19137074	Nguyễn Văn	Tinh	DH19NL		3,0	5,0	20	3,2	00012345678910	0123456789
9	19137075	Lê Thanh	Toàn	DH19NL		7,0	5,0	5,0	5,4	00012345678910	0123456789
10	19137076	Phạm Ngọc	Toàn	DH19NL		5,0	4,0	2,0	3,0	00012345678910	0123456789
11	18118157	Trần Duy	Toàn	DH18CC		9,0	6,0	7,0	7,2	00012345678910	0123456789
12	18118159	Nguyễn Lê Minh	Trí	DH18CK						00012345678910	0123456789
13	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK		9,0	6,0	8,5	8,1	00012345678910	0123456789
14	19137077	Bùi Thành	Trung	DH19NL		4,0	4,0	3,5	3,7	00012345678910	0123456789
15	16137092	Phan Văn	Tú	DH16NL						00012345678910	0123456789
16	19137079	Huỳnh Quốc	Tuấn	DH19NL		9,0	8,0	7,5	7,9	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02114

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **002_DH19NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD204**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK	Tuấn	10	7,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
18	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC	Tuấn	9,0	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
19	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK	Vinh	9,0	6,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
20	19137082	Từ Trường	Vũ	DH19NL	Vũ	7,0	7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
21	18115119	Phan Minh	Vy	DH18CB	MP	9,0	6,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 18. Số sinh viên vắng 3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Trần Phú

TS. Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_04

Tổ Thi 001_DH19CD_04

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước	An	DH19CD		7,0	5,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
2	19154001	Chu Hoàng	Anh	DH19OT						0012345678910	0123456789
3	19153002	Nguyễn Đức	Anh	DH19CD		9,0	8,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
4	19154002	Trương Hoàng	Anh	DH19OT		9,0	7,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
5	19154003	Vũ Xuân	Bách	DH19OT		9,0	4,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
6	19154004	Lâm Quốc	Bảo	DH19OT						0012345678910	0123456789
7	19154005	Nguyễn Thái	Bảo	DH19OT		7,0	5,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
8	19154006	Lê Nguyễn Thái	Bình	DH19OT		7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
9	19154007	Nguyễn Văn	Bình	DH19OT		9,0	5,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
10	19154008	Nguyễn Văn	Bình	DH19OT		7,0	6,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
11	19154009	Nguyễn Xuân	Cảnh	DH19OT		9,0	4,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
12	19154010	Võ Thị Ngọc	Châu	DH19OT						0012345678910	0123456789
13	19154012	Nguyễn Minh	Chiến	DH19OT		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
14	19154014	Vũ Thành	Công	DH19OT		7,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
15	19153003	Vũ Văn	Cương	DH19CD		7,0	4,0	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
16	19154015	Huỳnh Mạnh	Cường	DH19OT		9,0	6,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02109

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_04

Tổ Thi 001_DH19CD_04

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154016	Nguyễn Thái Minh	Cường	DH19OT	<i>Cường</i>	9,0	6,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
18	19154019	Hồ Lê Tuấn	Danh	DH19OT	<i>Danh</i>	10,0	8,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
19	19154020	Nguyễn Công	Danh	DH19OT	<i>Nguyễn Công</i>	9,0	5,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	19154021	Nguyễn Ngọc	Danh	DH19OT	<i>Nguyễn Ngọc</i>	9,0	7,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
21	19154023	Nguyễn Tấn	Dầu	DH19OT	<i>Nguyễn Tấn</i>	9,0	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
22	19153008	Ngô Trung	Dinh	DH19CD	<i>Dinh</i>	7,0	4,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
23	19153011	Huỳnh Cao	Duy	DH19CD	<i>Duy</i>	9,0	6,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
24	19153012	Lê Công Tiến	Duy	DH19CD	<i>Lê Công Tiến</i>	9,0	5,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
25	19154033	Nguyễn Đức	Duy	DH19OT	<i>Nguyễn Đức</i>	9,0	4,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
26	19153013	Nguyễn Võ Anh	Duy	DH19CD	<i>Nguyễn Võ Anh</i>	9,0	4,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
27	19153014	Phạm Đình	Duy	DH19CD	<i>Phạm Đình</i>	9,0	5,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
28	19153015	Phan Nguyễn Minh	Duy	DH19CD	<i>Phan Nguyễn Minh</i>	9,0	4,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
29	19153010	Nguyễn Ngọc	Dương	DH19CD	<i>Nguyễn Ngọc</i>	9,0	4,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
30	19154031	Phạm Tùng	Dương	DH19OT	<i>Phạm Tùng</i>	9,0	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
31	19154032	Võ Trung	Dương	DH19OT	<i>Võ Trung</i>	10,0	5,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
32	19154017	Võ Quốc	Đại	DH19OT	<i>Võ Quốc</i>	9,0	5,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02109

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_04**

Tổ Thi **001_DH19CD_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154022	Nguyễn Xuân	Đạo	DH19OT	<i>Đạo</i>	10,0	8,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
34	19153007	Trương Quốc	Đạt	DH19CD	<i>Đạt</i>	9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
35	19153004	Nguyễn Hải	Đăng	DH19CD	<i>Đăng</i>	9,0	4,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
36	19153006	Vô Quan	Đăng	DH19CD	<i>Đăng</i>	9,0	5,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
37	19154024	Vô Văn	Đô	DH19OT	<i>Đô</i>	9,0	5,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
38	19154025	Bùi Văn	Đức	DH19OT	<i>Đức</i>	9,0	5,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
39	19154026	Ngô Huỳnh	Đức	DH19OT	<i>Đức</i>	9,0	5,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
40	19154027	Nguyễn Hoài	Đức	DH19OT	<i>Đức</i>	9,0	8,0	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
41	19154028	Nguyễn Văn	Đức	DH19OT	<i>Đức</i>	9,0	7,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
42	19154029	Nguyễn Việt	Đức	DH19OT	<i>Đức</i>	7,0	4,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
43	19154035	Trần Hoàng	Hà	DH19OT	<i>Hà</i>	9,0	5,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
44	19153016	Mai Xuân	Hải	DH19CD	<i>Hải</i>	9,0	4,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
45	19153017	Nguyễn Thanh	Hải	DH19CD						0012345678910	0123456789
46	19153019	Bùi Anh	Hiếu	DH19CD	<i>Hiếu</i>	7,0	4,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
47	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	DH19CD	<i>Hiếu</i>	7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
48	19153021	Lê Phước	Hoài	DH19CD	<i>Hoài</i>	5,0	4,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02109

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_04

Tổ Thi 001_DH19CD_04

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153025	Lương Quang	Huy	Huy		9,0	6,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
50	19153026	Trần Quốc	Huy	Quoc		10,0	4,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
51	19153029	Hoàng Cao	Khải	Khai		7,0	4,0	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
52	19153030	Nguyễn Duy	Khang	Khang		7,0	4,0	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
53	19153033	Mai Đăng	Khoa	Khoa		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
54	19153034	Chu Trương Đăng	Khôi	Chu		5,0	4,0	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
55	19153035	Lê Quang	Kiên	Quang		9,0	5,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
56	19153036	Trần Anh	Kiệt	Anh		9,0	5,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
57	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	Quy		9,0	4,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
58	19153039	Lê Văn	Lộc	Van		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
59	19153041	Đặng Sơn	Minh	Son		5,0	6,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
60	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	Thang		5,0	5,0	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
61	19153044	Trần Văn	Nam	Van		7,0	5,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
62	19153045	Bùi Hoàng Phước	Nghĩa	Phuoc		5,0	5,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
63	19153048	Lý Thanh	Nhân	Thanh		7,0	0,0	3,0	3,2	0012345678910	0123456789
64	19153049	Vô Văn	Nhất	Nhat		9,0	4,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02109

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_04**

Tổ Thi **001_DH19CD_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153050	Lê Quang	Nhật	<i>Quang</i>	70	40	50	5,2		0012345678910	0123456789
66	19153052	ĐỖ Văn Tinh	Nhỏ	<i>Tinh</i>	70	50	50	5,4		0012345678910	0123456789
67	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	<i>Nhật</i>	0,0	70	30	3,2		0012345678910	0123456789
68	19153056	Lê Văn	Phong	<i>Phong</i>	70	40	55	5,5		0012345678910	0123456789
69	19153057	Nguyễn Duy	Phong	<i>Duy</i>	70	80	90	60		0012345678910	0123456789
70	19153058	Cao Thành	Phú	<i>Phú</i>	70	60	60	6,2		0012345678910	0123456789
71	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	<i>Phúc</i>	90	70	70	7,4		0012345678910	0123456789
72	19153062	Trần Nguyễn Anh	Phương	<i>Phương</i>	90	30	35	3,7		0012345678910	0123456789
73	19153063	Lăng Hồng	Quân	<i>Quân</i>	90	40	8,5	7,7		0012345678910	0123456789
74	19153064	Lê Hữu	Quý	<i>Quý</i>	90	40	8,5	7,7		0012345678910	0123456789
75	19153065	Lê Văn	Quý	<i>Quý</i>	90	60	8,5	8,1		0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10. Số sinh viên vắng 5.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn
Ngày in: 02/12/2019

Nguyễn Văn Tuấn

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02110

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_04**

Tổ Thi **002_DH19CD_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			7,0	5,0	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
2	19153068	Huỳnh Văn Tân	DH19CD			7,0	5,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
3	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD			7,0	5,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
4	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD							0012345678910	0123456789
5	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			5,0	4,0	5,0	4,8	0012345678910	0123456789
6	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			9,0	5,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
7	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			9,0	4,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
8	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			9,0	4,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
9	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			9,0	5,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
10	19153076	Vũ Ngọc Thịnh	DH19CD			5,0	5,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
11	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			6,0	0,0	3,0	1,8	0012345678910	0123456789
12	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			7,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
13	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			7,0	6,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
14	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			9,0	4,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
15	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			5,0	4,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
16	19153082	Nguyễn Công Quyết Tiến	DH19CD			5,0	5,0	4,0	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02110

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_04**

Tổ Thi **002_DH19CD_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153083	Giáp Trung	Tín	DH19CD		7,0	6,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
18	19153084	Nguyễn Quốc	Toàn	DH19CD		7,0	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
19	19153086	Tạ Thị Ngọc	Trình	DH19CD		9,0	4,0	9,0	8,0	0012345678910	0123456789
20	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	DH19CD		7,0	9,0	9,0	5,4	0012345678910	0123456789
21	19153088	Nguyễn Công	Trường	DH19CD		10,0	6,0	3,0	9,0	0012345678910	0123456789
22	19153089	Phạm Lê Tấn	Trường	DH19CD		9,0	9,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
23	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD		5,0	4,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
24	19153092	Võ Đình	Vũ	DH19CD		7,0	9,0	9,0	5,4	0012345678910	0123456789
25	19153093	Trần Ngọc	Vui	DH19CD		9,0	6,0	3,5	5,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 01.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ng. Vũ Ngọc Bạch

T. Nguyễn Văn Tuấn Anh

T. Vũ Văn Tiến

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 02/12/2019

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm 70 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc	Anh	DH18CD			1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
2	18118006	Triệu Xuân	Bách	DH18CK			2	0	2.0	0012345678910	0123456789
3	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bào	DH18CK			1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
4	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	DH18CK			2.2	4.4	6.6	0012345678910	0123456789
5	18118011	Nguyễn Trung	Chinh	DH18CK			2.2	6.0	8.2	0012345678910	0123456789
6	18118013	Nguyễn Đức	Công	DH18CK			2	0.8	2.8	0012345678910	0123456789
7	18118018	Nguyễn Võ Công	Danh	DH18CK			2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
8	18118023	Nguyễn Tấn	Diện	DH18CK		0.5	2.8	6.8	10.0	0012345678910	0123456789
9	18118028	Triệu Quốc	Dũng	DH18CK			2.4	6.8	9.1	0012345678910	0123456789
10	18118034	Nguyễn Đức	Duy	DH18CK			2.6	3.9	6.5	0012345678910	0123456789
11	18118035	Thái Hoàng	Duy	DH18CK			2.2	4.9	7.1	0012345678910	0123456789
12	18118030	Hồ Phi	Dương	DH18CK			Cấm thi			0012345678910	0123456789
13	18137011	Nguyễn Thanh	Đạt	DH18NL			2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
14	18154024	Nguyễn Phi	Đinh	DH18OT		1	2.9	6.1	10.0	0012345678910	0123456789
15	18137012	Nguyễn Ngọc	Đông	DH18NL			2.9	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
16	18118025	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CC			Cấm thi			0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02121

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118040	Bùi Trung	Hiếu	DH18CK			2	1.1	3.1	0012345678910	0123456789
18	18118043	Nguyễn Ngọc	Hòa	DH18CK			2.4	4.9	7.3	0012345678910	0123456789
19	18137018	Nguyễn Duy	Hoài	DH18NL		0.8	2.8	6.5	10.0	0012345678910	0123456789
20	18118044	Tổng An	Hoài	DH18CK		1	2.3	6.8	10.0	0012345678910	0123456789
21	18118045	Lê Quang	Huy	DH18CK			2.3	6.8	9.0	0012345678910	0123456789
22	18118047	Nguyễn Khánh	Huy	DH18CK			2.8	6.3	9.0	0012345678910	0123456789
23	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK			2.8	2.8	5.6	0012345678910	0123456789
24	18153029	Trương Vĩnh	Huy	DH18CD		0.5	2.8	2.8	6.1	0012345678910	0123456789
25	18118055	Lê Minh	Khang	DH18CK			2.9	2.1	5.0	0012345678910	0123456789
26	18118060	Trần Bá	Khoa	DH18CK			2.9	2.1	5.0	0012345678910	0123456789
27	18118062	Đặng Minh	Khôi	DH18CK			2.2	0.4	2.6	0012345678910	0123456789
28	18118064	Kiều Minh Trí	Kiệt	DH18CK			2.2	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
29	18118071	Huỳnh Quốc	Long	DH18CK			2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
30	18118074	Nguyễn Phi	Long	DH18CK			2.8	3.5	6.3	0012345678910	0123456789
31	18118075	Nguyễn Thành	Long	DH18CK			2.6	4.9	7.5	0012345678910	0123456789
32	18115058	Nguyễn Tiểu	Long	DH18CB			2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02121

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)** Số Tin Ch **2**
 Nhóm Thi **DH18CK_01** Tổ Thi **001_DH18CK_01** Tên CBGD **Trương Quang Trường**
 Ngày Thi **24/12/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118076	Phạm Văn	Long	Long		2.8	4.9	7.7		0012345678910	0123456789
34	18118068	Lê Quang	Lộc	Lộc		2.2	4.9	7.1		0012345678910	0123456789
35	18118081	Tạ Văn	Mạnh	Mạnh		2.8	4.2	7.0		0012345678910	0123456789
36	15118065	Nguyễn Trúc	Minh	Minh		2.9	2.1	5.0		0012345678910	0123456789
37	18118084	Vũ Quang	Minh	Minh		2.6	0	2.6		0012345678910	0123456789
38	18137028	Cao Tấn	Nam	Nam		2.8	6.3	9.1		0012345678910	0123456789
39	18118092	Nguyễn Trọng	Nguyên	Nguyên		2.2	3.9	6.1		0012345678910	0123456789
40	18118098	Nguyễn Trung	Nhân	Nhân		1.8	3.2	6.0		0012345678910	0123456789
41	15115114	Trương Trọng	Nhân	Nhân		2.4	1.8	4.2		0012345678910	0123456789
42	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	Phi		2.2	3	5.2		0012345678910	0123456789
43	18137034	Dương Văn	Phong	Phong		2.8	3.9	6.7		0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **43** Số sinh viên vắng **2**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Quang Trường

Trương Quang Trường
Lê Khắc Bình

Nguyễn Văn Công Chính

Trương Quang Trường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **002_DH18CK_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118106	Phùng Minh	Phông	<i>phong</i>		2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
2	18137035	Vô Hồng	Phú	<i>ph</i>		2.9	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
3	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	<i>ph</i>		2.6	3.9	6.5	0012345678910	0123456789
4	18118110	Vũ Toàn	Phước	<i>ph</i>		2.2	7.0	9.2	0012345678910	0123456789
5	18118112	Lê Văn	Quang	<i>lv</i>		2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789
6	18118113	Nguyễn Thanh	Quang	<i>lv</i>		2.3	6.7	9.0	0012345678910	0123456789
7	18118114	Phạm Phúc	Quang	<i>ph</i>		2.2	4.9	7.1	0012345678910	0123456789
8	18118111	Nguyễn Đình	Quân	<i>qu</i>		2	4.2	6.2	0012345678910	0123456789
9	18137037	Phan Hữu	Quý	<i>ph</i>		2.8	3.9	6.7	0012345678910	0123456789
10	18118115	Quách Ngọc	Quý	<i>qu</i>		2.2	6	8.2	0012345678910	0123456789
11	18118124	Nguyễn Khắc	Tân	<i>tk</i>		1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
12	18118125	Nguyễn Minh	Tân	<i>mt</i>		2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
13	18154112	Trần Lê Phương	Thái	<i>tl</i>		2.9	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
14	18118135	Nguyễn Chí	Thành	<i>tc</i>		2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
15	18153067	Trần Hải	Thành	<i>th</i>		2.8	6	8.8	0012345678910	0123456789
16	18118130	Huỳnh Ngọc	Thắng	<i>th</i>		2.2	/	/	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02122

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD		2.8	5.3	8.1		0012345678910	0123456789
18	18118132	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18CK		2.2	1.4	3.6		0012345678910	0123456789
19	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK		2.2	6.1	8.3		0012345678910	0123456789
20	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD		2.5	5.6	8.1		0012345678910	0123456789
21	18118140	Nguyễn Ngọc	Thiện	DH18CK		2.3	3.2	5.5		0012345678910	0123456789
22	18118142	Nguyễn Quang	Thìn	DH18CK		2.2	2.8	5.0		0012345678910	0123456789
23	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK		2.1	3.9	6.0		0012345678910	0123456789
24	18118145	Huỳnh Hữu	Thọ	DH18CK		2.8	4.7	7.5		0012345678910	0123456789
25	18118148	Đỗ Thành	Thu	DH18CK		2.4	4.2	6.6		0012345678910	0123456789
26	18118154	Bùi Thanh	Tiến	DH18CK		0.6	1.4	2.0		0012345678910	0123456789
27	18118151	Bùi Minh	Tiến	DH18CK		3	4	7.0		0012345678910	0123456789
28	18118158	Nguyễn Thành	Tôn	DH18CK		0.8	2.2	7	10.0	0012345678910	0123456789
29	18118159	Nguyễn Lê Minh	Trí	DH18CK		2	0.4	2.4		0012345678910	0123456789
30	18118160	Phạm Minh	Triết	DH18CK						0012345678910	0123456789
31	18137044	Cao Khánh	Trúc	DH18NL		2.8	6.7	9.5		0012345678910	0123456789
32	18118167	Phạm Tấn	Trung	DH18CK		2.3	3.2	5.5		0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02122

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118168	Cao Quang	Trường				2.4	3.2	5.6	0012345678910	0123456789
34	18118169	Nguyễn Xuân	Trường				2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
35	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn				2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789
36	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn				2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
37	18118179	Vô Thanh	Tùng			0.6	2.6	3.9	7.1	0012345678910	0123456789
38	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên				2.9	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
39	18118182	Ngô Văn	Viết				2.2	4.6	6.8	0012345678910	0123456789
40	18118184	Tô Đức	Vinh				2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789
41	15118133	Đặng Hoàng	Vũ				2.8	2.5	5.3	0012345678910	0123456789
42	18118188	Phan Lý Kim	Vũ				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
43	18137050	Nguyễn Thị	Yến			0.2	2.8	7	10.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 02/12/2019

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_03

Tổ Thi

001_DH18NL_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 50 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137002	Nguyễn Công	Bào	DH18NL			2.4	3.2	5.6	0012345678910	0123456789
2	18137003	Bùi Hữu	Bình	DH18NL			1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc	Bình	DH18NL			2.9	5.6	8.5	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí	Cường	DH18NL			1.3	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
5	18118017	Nguyễn Công	Danh	DH18CK			2.4	2.1	4.5	0012345678910	0123456789
6	18115014	Võ Công	Danh	DH18CB			2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
7	18137013	Nguyễn Tiến	Dũng	DH18NL		0.8	2.9	6.3	10.0	0012345678910	0123456789
8	18154031	Nguyễn Minh	Dương	DH18OT			2.8	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
9	18154022	Lưu Quốc	Đạt	DH18OT			2.2	5.6	7.8	0012345678910	0123456789
10	17137012	Lê Tấn	Đôn	DH17NL			3	7	10.0	0012345678910	0123456789
11	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	DH18OT			3	7	10.0	0012345678910	0123456789
12	18137019	Trịnh Thế	Hoan	DH18NL			2.8	6.3	9.1	0012345678910	0123456789
13	18154040	Nguyễn Việt	Hoàng	DH18OT			2.8	6.8	9.5	0012345678910	0123456789
14	18137021	Hồ Xuân	Hùng	DH18NL		0.5	2.1	4.9	7.5	0012345678910	0123456789
15	18118051	Bùi	Huỳnh	DH18CK			2.8	5.4	8.2	0012345678910	0123456789
16	18154054	Thạch Đăng	Khoa	DH18OT			2.6	5.1	7.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02123

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_03

Tổ Thi 001_DH18NL_03

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137024	Trần Đăng	Khoa	DH18NL			1	1.8	2.8	0012345678910	0123456789
18	18154057	Đặng Nguyễn Minh	Kiên	DH18OT			2.2	/	/	0012345678910	0123456789
19	18137026	HuỳnhĐa	Lộc	DH18NL			2	5.6	7.6	0012345678910	0123456789
20	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	DH18OT		0.4	2.9	6.7	10.0	0012345678910	0123456789
21	18115061	Đoàn Quốc	Luận	DH18CB		1	1.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
22	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	DH18OT		1	2.9	1.4	5.3	0012345678910	0123456789
23	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	DH18NL			2	2.8	4.8	0012345678910	0123456789
24	18154072	Phan Thành	Nam	DH18OT			2.5	3.5	6.0	0012345678910	0123456789
25	18154076	Văn Hữu	Nghĩa	DH18OT			2.9	5.8	8.7	0012345678910	0123456789
26	18137030	Trần Duy	Nhật	DH18NL			2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789
27	18137031	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL			2.2	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
28	18137032	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL		0.5	2	3.2	5.7	0012345678910	0123456789
29	18118103	Nguyễn Thuận	Phát	DH18CK		1	2.4	2.8	6.2	0012345678910	0123456789
30	18154095	Nguyễn Văn	Phong	DH18OT		1	2.4	5.3	8.7	0012345678910	0123456789
31	18154101	Nguyễn Duy	Phương	DH18OT			1.8	0.7	2.5	0012345678910	0123456789
32	18137036	Nguyễn Đình Anh	Quang	DH18NL			2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02123

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_03

Tổ Thi 001_DH18NL_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137039	Phạm Trương Quang	Tân	D.		1	2.2	6	9.2	0012345678910	0123456789
34	18137040	Cao Hoàng	Thiện				2.9	5.3	8.2	0012345678910	0123456789
35	18137041	Trần Văn	Thọ				2	5.3	7.3	0012345678910	0123456789
36	16115216	Huỳnh Ngọc	Trí				1.8	0.4	2.1	0012345678910	0123456789
37	18137043	Nguyễn Văn	Trí				2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789
38	18118164	Lê Minh	Trung				2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
39	18137045	Nguyễn Đỗ	Trung				2	2.1	4.1	0012345678910	0123456789
40	18137046	Phan Khánh	Trung			0.8	2.2	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
41	18137047	Hồng Nguyễn Phi	Trường				2.8	3.5	6.3	0012345678910	0123456789
42	18137049	Lê Kim	Vinh				2	2.5	4.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam
Ngày in : 02/12/2019

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Văn Công Chính

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02126

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 03/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ	Anh	<i>Anh</i>		9,0	7,5	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng	Ân	<i>Hoàng</i>		8,2	8,8	1,8	3,8	0012345678910	0123456789
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	Bảo	<i>Huy</i>		0	5,7	3,3	3,5	0012345678910	0123456789
4	18118008	Phan Văn Chí	Bảo	<i>Bao</i>		9,0	7,5	6,3	6,8	0012345678910	0123456789
5	18118012	Tạ Đức Cao	Chương	<i>Ch</i>		9,0	5,7	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
6	18118029	Trần Vĩnh	Dụng	<i>Dung</i>		9,0	2,1	2,3	2,9	0012345678910	0123456789
7	18118033	Lê Phúc	Duy	<i>Phuc</i>		4,5	4,8	5,3	5,1	0012345678910	0123456789
8	18118036	Ứng Phương	Duy	<i>Phuong</i>		9,0	6,9	3,8	4,9	0012345678910	0123456789
9	18118014	Bạch Thanh	Đại	<i>Doi</i>		9,0	6,0	8,8	8,3	0012345678910	0123456789
10	18118021	Nguyễn Tiến	Đạt	<i>Tien</i>		7,3	7,4	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
11	18118022	Phan Thành	Đạt	<i>Thanh</i>		9,0	4,8	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
12	18118015	Nguyễn Hải	Đăng	<i>Hai</i>		4,5	5,4	4,0	4,3	0012345678910	0123456789
13	18118024	Lê Xuân	Đức	<i>Xuan</i>		10	8,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
14	18118025	Nguyễn Huỳnh	Đức	<i>Huynh</i>		0	2,4	2,0	1,9	0012345678910	0123456789
15	15137012	Vũ Đức	Gia		✓					0012345678910	0123456789
16	17153028	Nguyễn Thành	Hiếu	<i>Hiu</i>		4,8	6,9	0	1,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02126

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 03/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118057	Trần Trọng	Khiêm	DH18CC	✓					0012345678910	0123456789
18	18118058	Đào Đăng	Khoa	DH18CC	Thi	6,3	4,8	4,8	5,6	0012345678910	0123456789
19	18118077	Thết Chủ	Long	DH18CC	Thi	10	4,9	2,9	4,0	0012345678910	0123456789
20	18118069	Nguyễn Quý	Lộc	DH18CC	Thi	7,3	5,1	6,4	6,2	0012345678910	0123456789
21	18118070	Trương Tuấn	Lộc	DH18CC	✓					0012345678910	0123456789
22	18118078	Hồ Minh	Luân	DH18CC	Thi	9,0	6,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
23	18118079	Nguyễn Trọng	Luân	DH18CC	✓					0012345678910	0123456789
24	15118065	Nguyễn Trúc	Minh	DH15CC	Thi	9,0	6,9	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
25	18118086	Bùi Thị Trà	My	DH18CC	Thi	7,3	4,8	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
26	18118088	Lê Đại	Nghĩa	DH18CC	Thi	10	3,5	1,8	3,0	0012345678910	0123456789
27	18118090	Phan Trung	Nghĩa	DH18CC	✓					0012345678910	0123456789
28	18118094	Bồ Tấn	Nhân	DH18CC	Thi	6,3	4,5	3,2	3,8	0012345678910	0123456789
29	18118096	Đặng Danh	Nhân	DH18CC	Thi	8,2	8,4	4,3	5,5	0012345678910	0123456789
30	18118100	Dương Thị Tuyết	Nhi	DH18CC	Thi	10	6,8	3,3	4,7	0012345678910	0123456789
31	17154081	Phạm Trương Hồng	Son	DH17OT	Thi	0	0	0	0	0012345678910	0123456789
32	18118120	Lê Tấn	Tài	DH18CC	Thi	6,3	4,2	2,0	2,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02126

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 03/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118122	Nguyễn Minh	Tám	DH18CC		10	8,6	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
34	18118127	Lương Văn	Thái	DH18CC		6,3	4,8	3,8	4,3	0012345678910	0123456789
35	18118128	Phạm Văn	Thái	DH18CC		9,0	6,3	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
36	18118129	Phan Quốc	Thái	DH18CC						0012345678910	0123456789
37	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	DH18CC		9,0	5,4	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
38	18118131	Nguyễn Minh	Thắng	DH18CC						0012345678910	0123456789
39	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	DH18CC		9,0	4,5	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
40	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	DH18CC		9,0	3,6	5,8	5,7	0012345678910	0123456789
41	18118222	Châu Ngọc	Ti	DH18CC		9,0	6,9	2,9	4,3	0012345678910	0123456789
42	18118152	Dương Minh	Tiến	DH18CC		9,0	5,1	4,3	4,9	0012345678910	0123456789
43	18118155	Nguyễn Phát	Tin	DH18CC		6,3	5,4	2,0	3,1	0012345678910	0123456789
44	18118157	Trần Duy	Toàn	DH18CC		9,0	7,8	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
45	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC		9,0	2,0	2,8	3,3	0012345678910	0123456789
46	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC		9,0	3,6	2,3	3,2	0012345678910	0123456789
47	16137092	Phan Văn	Tú	DH16NL						0012345678910	0123456789
48	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC		9,0	5,7	4,8	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02126

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 03/01/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118176	Tổng Văn	DH18CC	<i>Tổng Văn</i>		6,3	3,9	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
50	18118178	Nguyễn Thanh	DH18CC	<i>Tùng</i>		9,0	6,0	3,9	4,8	0012345678910	0123456789
51	18118180	Trần Văn	DH18CC	<i>Trần Văn</i>		9,0	3,0	3,2	3,7	0012345678910	0123456789
52	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC	<i>Nguyễn Hồ Phú</i>		9,0	6,9	3,3	4,6	0012345678910	0123456789
53	18118185	Trần Phúc	DH18CC	<i>Trần Phúc</i>		6,3	5,1	6,3	6,1	0012345678910	0123456789
54	18118186	Hoàng Long	DH18CC	<i>Hoàng Long</i>		9,0	3,9	6,0	5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4.6 Số sinh viên vắng 8..

Ngày 6 Tháng 1 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

N. V. Kiệp

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02128

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118006	Triệu Xuân	Bách	DH18CK						0012345678910	0123456789
2	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	DH18CK	<i>Bao</i>	10	6,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
3	15118005	Trương Phi	Bảo	DH17CK	<i>Phi</i>	5,0	5,0	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
4	17153010	Vương Quốc Việt	Chi	DH17CD	<i>Chi</i>	9,0	4,0	3,0	3,8	0012345678910	0123456789
5	15118007	Lâm Quang	Chiến	DH15CC	<i>Chi</i>	8,0	5,0	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
6	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	DH18CK	<i>Ch</i>	10	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
7	18118011	Nguyễn Trung	Chinh	DH18CK	<i>Tr</i>	10	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
8	18118016	Đặng Hữu	Danh	DH18CK	<i>DH</i>	9,0	5,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
9	18118017	Nguyễn Công	Danh	DH18CK	<i>DC</i>	10	5,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
10	18118023	Nguyễn Tấn	Diễn	DH18CK	<i>Tan</i>	10	4,0	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
11	15137007	Nguyễn Thái	Du	DH15NL	<i>Du</i>	8,0	4,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
12	18118028	Triệu Quốc	Dũng	DH18CK	<i>Qu</i>	10	4,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
13	18118034	Nguyễn Đức	Duy	DH18CK	<i>Duy</i>	10	4,5	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
14	18118035	Thái Hoàng	Duy	DH18CK	<i>TH</i>	10	6,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	18118030	Hồ Phi	Dương	DH18CK						0012345678910	0123456789
16	18137011	Nguyễn Thanh	Đạt	DH18NL	<i>Đat</i>	10	5,0	1,0	2,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02128

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154015	Hồ Thanh	Điện	DH17OT		10	6,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
18	18154024	Nguyễn Phi	Đinh	DH18OT		9,0	8,5	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
19	18137012	Nguyễn Ngọc	Đông	DH18NL		10	6,0	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
20	17153016	Nguyễn Trung	Đức	DH17CD		9,0	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
21	14118022	Nguyễn Mạnh	Hải	DH14CK						0012345678910	0123456789
22	18118039	Trần Tuấn	Hiệp	DH18CC		8,0	7,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
23	18118040	Bùi Trung	Hiếu	DH18CK		9,0	6,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
24	17118034	Huỳnh Văn	Hiếu	DH17CK		9,0	7,0	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
25	17153028	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17CD		10	4,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
26	18118043	Nguyễn Ngọc	Hòa	DH18CK		10	5,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
27	18137018	Nguyễn Duy	Hoài	DH18NL		10	9,5	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
28	18118044	Tổng An	Hoài	DH18CK		10	7,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
29	18118045	Lê Quang	Huy	DH18CK		10	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
30	15137027	Nguyễn Hoàng	Huy	DH15NL		10	9,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
31	18118047	Nguyễn Khánh	Huy	DH18CK		10	6,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
32	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK		9,0	5,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02128

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH18CK_01 Tổ Thi 001_DH18CK_01 Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính
Ngày Thi 25/12/2019 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 29. Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng 2 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

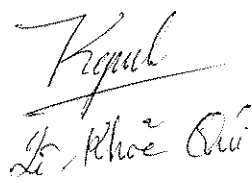
Cán bộ coi thi 2

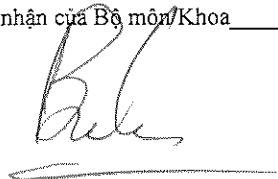
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

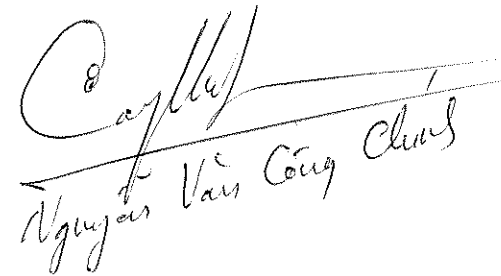
Cán Bộ Chấm Thi 1

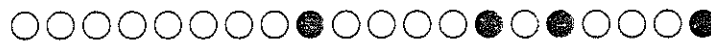
Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Hữu Hòa


Lê Khắc Quý




Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 02129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118051	Bùi	Huynh	<i>[Signature]</i>		10	6,5	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
2	18118055	Lê Minh	Khang	<i>[Signature]</i>		7,0	6,0	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
3	18118060	Trần Bá	Khoa	<i>[Signature]</i>		10	7,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
4	18118062	Đặng Minh	Khôi	<i>[Signature]</i>		9,0	4,0	2,0	3,1	0012345678910	0123456789
5	18118064	Kiều Minh Trí	Kiệt	<i>[Signature]</i>		10	6,0	1,0	2,9	0012345678910	0123456789
6	16154055	Y-Những	Knul							0012345678910	0123456789
7	18118074	Nguyễn Phi	Long							0012345678910	0123456789
8	18118075	Nguyễn Thành	Long	<i>[Signature]</i>		10	7,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
9	18118076	Phạm Văn	Long	<i>[Signature]</i>		10	7,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
10	18118068	Lê Quang	Lộc	<i>[Signature]</i>		10	5,0	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
11	18118081	Tạ Văn	Mạnh	<i>[Signature]</i>		10	4,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
12	15118065	Nguyễn Trúc	Minh	<i>[Signature]</i>		10	5,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
13	18118084	Vũ Quang	Minh							0012345678910	0123456789
14	18137028	Cao Tấn	Nam	<i>[Signature]</i>		10	9,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
15	18118092	Nguyễn Trọng	Nguyễn	<i>[Signature]</i>		10	7,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
16	16154068	Phan Chí	Nguyễn	<i>[Signature]</i>		10	6,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16154069	Nguyễn Ngọc	Nhã	DH16OT	<i>nhã</i>	9,0	8,0	9,0	4,6	0012345678910	0123456789
18	18118098	Nguyễn Trung	Nhân	DH18CK	<i>ly</i>	10	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
19	18137031	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL	<i>phat.</i>	10	8,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
20	18137032	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL	<i>phat</i>	10	6,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
21	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK	<i>phi</i>	7,0	4,5	0	1,6	0012345678910	0123456789
22	18137034	Dương Văn	Phong	DH18NL	<i>phong</i>	10	6,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
23	18118106	Phùng Minh	Phông	DH18CK	<i>phong</i>	10	7,0	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
24	18137035	Vô Hồng	Phú	DH18NL	<i>phuc</i>	10	8,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
25	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK						0012345678910	0123456789
26	18118110	Vũ Toàn	Phước	DH18CK	<i>phuc</i>	10	9,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
27	18118112	Lê Văn	Quang	DH18CK	<i>am</i>	10	4,0	3,0	3,9	0012345678910	0123456789
28	18118113	Nguyễn Thanh	Quang	DH18CK	<i>am</i>	10	5,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
29	18118114	Phạm Phúc	Quang	DH18CK	<i>am</i>	10	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
30	18118111	Nguyễn Đình	Quân	DH18CK	<i>Quân</i>	10	8,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
31	18137037	Phan Hữu	Quý	DH18NL	<i>Quy</i>	10	7,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
32	18118115	Quách Ngọc	Quý	DH18CK	<i>Quy</i>	10	7,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16115215	Nguyễn Gia	Quyển	<i>Qm</i>		10	5,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
34	17154078	Lê Thanh	Sơn	<i>Son</i>		10	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
35	15154044	Nguyễn Võ Hoàng	Sơn							0012345678910	0123456789
36	18118124	Nguyễn Khắc	Tân	<i>z</i>		10	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
37	18118125	Nguyễn Minh	Tân	<i>mtan</i>		10	8,5	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
38	17154916	Tất Vĩnh	Thành	<i>TK</i>		10	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
39	18118130	Huỳnh Ngọc	Thắng							0012345678910	0123456789
40	18118132	Nguyễn Quốc	Thắng							0012345678910	0123456789
41	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thị	<i>TC</i>		10	5,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
42	18118140	Nguyễn Ngọc	Thiện							0012345678910	0123456789
43	18118142	Nguyễn Quang	Thìn	<i>Thin</i>		9,0	5,0	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
44	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	<i>LT</i>		0	0	0	0	0012345678910	0123456789
45	18118144	Trần Phước	Thịnh	<i>TC</i>		9,0	7,5	1,0	3,1	0012345678910	0123456789
46	18118145	Huỳnh Hữu	Thọ	<i>HT</i>		10	6,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
47	13153223	Trần Hữu	Thọ							0012345678910	0123456789
48	18118148	Đỗ Thành	Thu	<i>TH</i>		10	5,0	2,5	3,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118154	Bùi Thanh	Tiến	DH18CK						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	18118151	Bùi Minh	Tiến	DH18CK	<i>Minh</i>	10	7,0	1,0	3,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	18118153	Nguyễn Trọng	Tiến	DH18CK	<i>Trọng</i>	8,0	0	0,5	1,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	18118158	Nguyễn Thành	Tôn	DH18CK	<i>Thành</i>	10	0	8,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	18118159	Nguyễn Lê Minh	Trí	DH18CK						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK	<i>Đỗ Văn</i>	10	6,0	3,0	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	18137044	Cao Khánh	Trúc	DH18NL	<i>Trúc</i>	10	7,0	4,5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	18118167	Phạm Tấn	Trung	DH18CK	<i>Phạm Tấn</i>	10	6,0	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	18118168	Cao Quang	Trường	DH18CK	<i>Quang</i>	10	6,5	2,0	3,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	DH18CK	<i>Xuân</i>	10	8,0	5,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK	<i>Anh</i>	10	4,0	6,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	18137049	Lê Kim	Vinh	DH18NL	<i>Kim</i>	10	6,0	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK	<i>Đức</i>	10	5,0	1,0	2,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	17154122	Đặng Bá	Vũ	DH17OT	<i>Bá</i>	9,0	6,0	5,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	16115208	Lý Tuấn	Vũ	DH16CB	<i>Tuấn</i>	10	4,0	4,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	18137050	Nguyễn Thị	Yến	DH18NL	<i>Thị</i>	10	8,0	8,0	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã nhận dạng 02129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 53 Số sinh viên vắng 11

Ngày ____ Tháng 2 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phan Minh Hien

Cayluu

Bai

Cayluu
Nguyễn Văn Công Chính

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi: Sức bền vật liệu(207148) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi: DH18OT_02 Tổ Thi: 001_DH18OT_02 Tên CBGD: Trương Quang Trường
Ngày Thi: 25/12/2019 Giờ Thi: 07:30 Phòng Thi: CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 1 %	Đ2 30 %	Điểm 70 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường	An	DH18OT			1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến	Anh	DH18OT			1.2	6.1	7.3	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy	Anh	DH18OT			1.2	5.6	6.8	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn	Anh	DH18OT			1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền	Anh	DH18OT			1.2	1.4	2.6	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng	Anh	DH18OT			1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long	Ấn	DH18OT			3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải	Ấu	DH18OT			1.2	5.6	6.8	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị	Bé	DH18OT		0.3	3	6.7	10.0	0012345678910	0123456789
10	15154006	K'	Bùng	DH15OT			1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
11	18154013	Phạm Minh	Chi	DH18OT			2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
12	18154015	Nguyễn Chí	Cường	DH18OT			1.2	5.3	6.5	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công	Danh	DH18OT			2.1	0.7	2.8	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đình Quốc	Dũng	DH18OT			1.2	1.8	3.0	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến	Dũng	DH18OT			1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
16	18118033	Lê Phúc	Duy	DH18CC			1.5	0.7	2.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02131

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154031	Nguyễn Minh	Dương	DH18OT			1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789
18	18154016	Dương Đình	Đại	DH18OT			3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
19	18154020	Nguyễn Quang	Đạo	DH18OT			1.2	1.4	2.6	0012345678910	0123456789
20	18154021	Lâm Gia	Đạt	DH18OT			1.2	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
21	18153010	Đặng Hải	Đặng	DH18CD			1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
22	18154025	Nguyễn Trung	Đinh	DH18OT			1.2	6.0	7.2	0012345678910	0123456789
23	18154033	Lương Văn	Giàu	DH18OT			1.2	4.6	5.8	0012345678910	0123456789
24	18154035	Dương Trọng	Hiếu	DH18OT			1.2	4.6	5.8	0012345678910	0123456789
25	18154036	Lê Vô Quang	Hiếu	DH18OT			2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
26	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT			1.2	1.4	2.6	0012345678910	0123456789
27	18154039	Vũ Xuân	Hòa	DH18OT			1.2	6	7.2	0012345678910	0123456789
28	18154037	Nguyễn Văn	Hóa	DH18OT			1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
29	18154046	Nguyễn Hoàng	Huy	DH18OT			1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
30	18154047	Nguyễn Hữu Minh	Huy	DH18OT			1.2	6	7.2	0012345678910	0123456789
31	18154048	Phạm Trần Gia	Huy	DH18OT			1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
32	18154050	Vô Nguyễn Gia	Huy	DH18OT			1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02131

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154041	Nguyễn Minh	Hung	<i>Hung</i>			1.3	0.8	2.0	0012345678910	0123456789
34	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hường	<i>Hường</i>			3	4	7.0	0012345678910	0123456789
35	18154051	Đình Nhĩ	Khang	<i>Khang</i>			1.2	1.8	3.0	0012345678910	0123456789
36	18154052	Trần Chí	Khang	<i>Khang</i>			2.5	2.5	5.0	0012345678910	0123456789
37	18154053	Trần Công	Khánh	<i>Khánh</i>			3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
38	18154054	Thạch Đăng	Khoa	<i>Khoa</i>			3	3.8	6.8	0012345678910	0123456789
39	18154056	Cao Trung	Kiên	<i>CD</i>			2.8	3.5	6.2	0012345678910	0123456789
40	18154058	Đỗ Tuấn	Kiệt	<i>Kiệt</i>			1.2	1.8	3.0	0012345678910	0123456789
41	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	<i>Lâm</i>			3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
42	18154060	Nguyễn Văn Chí	Lâm	<i>Lâm</i>			0.9	6.3	7.2	0012345678910	0123456789
43	18154061	Chu Phú	Lân	<i>Lân</i>			1.2	6.3	7.5	0012345678910	0123456789
44	18154063	Nguyễn Xuân	Linh	<i>Linh</i>			1.2	6.0	7.2	0012345678910	0123456789
45	18153042	Lưu Hoàng	Long	<i>Long</i>			1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02131

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148) Số Tin Ch 2
Nhóm Thi DH18OT_02 Tô Thi 001_DH18OT_02 Tên CBGD Trương Quang Trường
Ngày Thi 25/12/2019 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi CT102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 45. Số sinh viên vắng 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Trần Văn Tuấn

Nguyễn Văn Công Chính

Trương Quang Trường

Ngày in : 02/12/2019



Mã nhận dạng 02132

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_02**

Tổ Thi **002_DH18OT_02**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm 70 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154066	Lưu Kim	Long	DH18OT			1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
2	18154068	Phạm Kim	Long	DH18OT			1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
3	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	DH18OT			1.8	6.7	8.5	0012345678910	0123456789
4	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	DH18OT			1.3	0.7	2.0	0012345678910	0123456789
5	18154071	Nguyễn Thế	Nam	DH18OT			3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
6	18154072	Phan Thành	Nam	DH18OT			2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
7	18154073	Tạ Hoàng	Nam	DH18OT			1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
8	18154075	Huỳnh Trọng	Nghĩa	DH18OT			3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
9	18154076	Văn Hữu	Nghĩa	DH18OT			1.2	6.3	7.5	0012345678910	0123456789
10	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT			1.2	6.3	7.5	0012345678910	0123456789
11	18154078	Đặng Văn	Ngoan	DH18OT			1.8	4.9	6.7	0012345678910	0123456789
12	18154081	Võ Nhật	Nguyên	DH18OT			3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
13	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT			1.2	5.3	6.5	0012345678910	0123456789
14	18154085	Lê Quốc	Nhân	DH18OT			2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
15	18137030	Trần Duy	Nhật	DH18NL			Cấm thi			0012345678910	0123456789
16	18154089	Đoàn Minh	Nhó	DH18OT			2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02132

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154090	Trần Nguyễn Minh	Nhật	<i>Minh</i>				2.1 1.4 3.5		0012345678910	0123456789
18	18154092	Chau Sô	Phát	<i>Phát</i>				1.5 2.5 4.0		0012345678910	0123456789
19	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	<i>Phát</i>				3 5.6 8.6		0012345678910	0123456789
20	18154095	Nguyễn Văn	Phong	<i>Phong</i>				2.7 3.5 6.2		0012345678910	0123456789
21	18154096	Quách THạnh	Phú	<i>Phú</i>				1.9 6.1 8.0		0012345678910	0123456789
22	18154097	Hồ Hoàng	Phúc	<i>Hồ Hoàng</i>				1.9 4.6 6.5		0012345678910	0123456789
23	18154099	Trần Hoàng	Phúc	<i>Phúc</i>				3 7 10.0		0012345678910	0123456789
24	18154100	Mai Trần	Phương	<i>Phương</i>				1.3 4.2 5.5		0012345678910	0123456789
25	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	<i>Quang</i>				0.9 1.2 4.9 7.0		0012345678910	0123456789
26	18154102	Lý Trung	Quân					1.2 / /		0012345678910	0123456789
27	18154104	Lê Duy	Quốc	<i>Quốc</i>				3 6.3 9.3		0012345678910	0123456789
28	18154105	Đinh Hoàng	Son	<i>Son</i>				1.9 2.1 4.0		0012345678910	0123456789
29	18154107	Nguyễn Hữu	Sum	<i>Sum</i>				2.9 1.1 4.0		0012345678910	0123456789
30	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật	Tảo	<i>Tảo</i>				3 6 9.0		0012345678910	0123456789
31	18154108	Trương Thành	Tấn	<i>Tấn</i>				1.2 1.8 3.0		0012345678910	0123456789
32	18154110	Huỳnh Phước	Thái	<i>Thái</i>				2.2 6.8 9.0		0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02132

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi

002_DH18OT_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154111	Phạm Ngọc	Thái	DH18OT			1.2	3.9	5.1	0012345678910	0123456789
34	18154112	Trần Lê Phương	Thái	DH18OT			1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
35	18118135	Nguyễn Chí	Thành	DH18CK			2.1	5.6	7.7	0012345678910	0123456789
36	18154116	Đặng Kim	Thảo	DH18OT			3	5.0	8.0	0012345678910	0123456789
37	18154113	Lê Đức	Thắng	DH18OT			1.2	2.1	3.3	0012345678910	0123456789
38	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18OT			2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
39	18154115	Trần Hữu	Thắng	DH18OT			3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
40	18154117	Trương Quang	Thi	DH18OT			1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
41	18154119	Đoàn Văn	Thìn	DH18OT			1.2	1.4	2.6	0012345678910	0123456789
42	17154095	Huỳnh Minh	Thịnh	DH18OT			0.9	2.8	3.7	0012345678910	0123456789
43	18154120	Trần Quốc	Thịnh	DH18OT			1.6	1.4	3.0	0012345678910	0123456789
44	18154122	Hồ Văn	Thuận	DH18OT			3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
45	18154124	Nguyễn Hữu	Tín	DH18OT			1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
46	18154125	Nguyễn Văn	Toàn	DH18OT			1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
47	18154126	Võ Minh	Trí	DH18OT			1.5	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
48	18154129	Trần Mạnh	Trường	DH18OT			2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02132

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi: Sức bền vật liệu(207148) Số Tín Ch: 2
 Nhóm Thi: DH18OT_02 Tổ Thi: 002_DH18OT_02 Tên CBGD: Trương Quang Trường
 Ngày Thi: 25/12/2019 Giờ Thi: 07:30 Phòng Thi: TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154131	Nguyễn Tài	Tuệ	Tuệ			1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
50	18154132	Nguyễn Thanh	Tùng	Tùng			1.2	5.6	6.8	0012345678910	0123456789
51	18118179	Võ Thanh	Tùng	Tùng			2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
52	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên	Tuyên			2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
53	18118182	Ngô Văn	Viết	Viết			2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
54	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	Vũ			2.1	3.2	5.3	0012345678910	0123456789
55	18154135	Võ Văn	Vũ	Vũ			3	5.0	8.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Ng. Thị Phương Thảo

Nguyễn Văn Công Chính

Trương Quang Trường

Ngày in : 02/12/2019



Mã nhận dạng 02130

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_03

Tổ Thi 001_DH18NL_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 50%	Điểm 75%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
2	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL				3	0.4	3.4	0012345678910	0123456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL				3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
4	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD				2.7	3.5	6.2	0012345678910	0123456789
5	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL				2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
6	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
7	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL				2.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
8	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK		08	1.5	2.8	5.1		0012345678910	0123456789
9	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL				3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
10	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
11	18118025	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CC				1.2	2.1	3.3	0012345678910	0123456789
12	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL				3	7	10.0	0012345678910	0123456789
13	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
14	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
15	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
16	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL				1.2	0	1.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02130

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_03

Tổ Thi 001_DH18NL_03

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153030	Hoàng Văn	Kỹ	DH15CD	Kỹ		1.2	0.8	1.9	00002345678910	0123456789
18	18137026	Huỳnh Đa	Lộc	DH18NL	Lộc		3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
19	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	DH18NL	Nam		3	3	6.0	0012345678910	0123456789
20	15115114	Trương Trọng	Nhân	DH15CB	Trương	1	1.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
21	17118074	Trần Long	Nhật	DH17CC	Trần		0.9	0.8	1.6	00002345678910	0123456789
22	13115317	Nguyễn Hồ	Phan	DH13CB	Nguyễn		Cấm thi			0012345678910	0123456789
23	17137052	Nguyễn Tấn	Phúc	DH17NL	Nguyễn		3	3.7	6.7	0012345678910	0123456789
24	18137036	Nguyễn Đình Anh	Quang	DH18NL	Nguyễn	1	3	4.2	8.2	0012345678910	0123456789
25	17137058	Ngô Thành	Qui	DH17NL	Ngô	0.8	3	2.8	6.6	0012345678910	0123456789
26	18137039	Phạm Trương Quang	Tân	DH18NL	Phạm		3	5.8	8.8	0012345678910	0123456789
27	18137040	Cao Hoàng	Thiện	DH18NL	Cao		3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
28	18137041	Trần Văn	Thọ	DH18NL	Trần		1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
29	16115216	Huỳnh Ngọc	Trí	DH16CB	Huỳnh		1.2			0012345678910	0123456789
30	18137043	Nguyễn Văn	Trí	DH18NL	Nguyễn	1	3	4.3	8.2	0012345678910	0123456789
31	18137045	Nguyễn Đỗ	Trung	DH18NL	Nguyễn		2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
32	18137046	Phan Khánh	Trung	DH18NL	Phan		2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02130

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_03

Tổ Thi 001_DH18NL_03

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137047	Hồnguyển Phi	Trường				25	35	60	0012345678910	0123456789
34	14137092	Cao Tấn	Tùng				26	14	40	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22. Số sinh viên vắng ...2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiep

Ng Vu Ngach

Nguyễn Văn Công Chiến

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_04

Tổ Thi

001_DH18CD_04

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh	An	DH18CD		7,0	7,5	1,0	2,9	001●345678910	012345678●
2	18153002	Trương Quốc	Anh	DH18CD		10	5,5	0	2,1	001●345678910	0●23456789
3	18153003	Đinh Quốc	Bảo	DH18CD		10	8,5	2,0	4,1	00123●5678910	0●23456789
4	18153004	Nguyễn Ngọc	Bảo	DH18CD		10	5,5	4,0	4,9	00123●5678910	012345678●
5	18153005	Phan Chí	Bảo	DH18CD		10	6,5	2,0	3,7	0012●345678910	0123456●89
6	15118006	Nguyễn Châu	Bình	DH15CK		10	6,5	4,0	5,1	001234●678910	0●23456789
7	18153006	Trần Hữu	Chí	DH18CD		10	8,5	4,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
8	18153009	Ngô Mạnh	Cường	DH18CD		10	5,5	2,5	3,9	0012●345678910	012345678●
9	18153011	Võ Thành	Danh	DH18CD		10	6,5	3,0	4,4	00123●5678910	0123●56789
10	18153013	Nguyễn Văn	Dur	DH18CD		8,0	5,5	2,0	3,3	0012●345678910	012●456789
11	18153015	Đỗ Trung	Dương	DH18CD		10	3,5	3,5	4,2	00123●5678910	01●3456789
12	18153016	Nguyễn Thái	Dương	DH18CD		10	3,5	5,0	5,2	001234●678910	01●3456789
13	18154022	Lưu Quốc	Đạt	DH18OT		10	6,5	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
14	18153012	Trần Tấn	Đạt	DH18CD		9,0	7,5	5,0	5,9	001234●678910	012345678●
15	18153014	Bùi Hữu	Đức	DH18CD		9,0	5,5	5,0	5,5	001234●678910	01234●6789
16	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK		9,0	3,5	2,5	3,4	0012●345678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_04

Tổ Thi 001_DH18CD_04

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

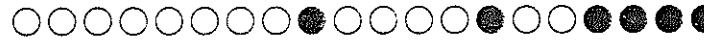
Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153017	Nguyễn Bảo	Giang	DH18CD		10	5,5	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
18	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	DH18OT		10	5,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
19	18153018	Lê Thanh	Hải	DH18CD		10	7,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
20	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	DH18CD		9,0	5,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
21	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	DH18CD		8,0	7,5	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
22	18153025	Phạm Ngọc	Hòa	DH18CD						0012345678910	0123456789
23	18153026	Đoàn Ngọc	Hoàng	DH18CD						0012345678910	0123456789
24	18154040	Nguyễn Việt	Hoàng	DH18OT		10	5,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
25	13115235	Nguyễn Mạnh	Hùng	DH13CB		10	6,5	4,0	4,5	0012345678910	0123456789
26	18153027	Trần Ngọc	Hùng	DH18CD		10	7,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
27	18153030	Huỳnh Minh	Kha	DH18CD		10	7,5	2,0	3,9	0012345678910	0123456789
28	18153033	Nguyễn Việt Vinh	Khang	DH18CD		8,0	6,0	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
29	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	DH18CD						0012345678910	0123456789
30	18153036	Trần Việt	Khoa	DH18CD		10	4,5	4,5	3,0	0012345678910	0123456789
31	18153037	Nguyễn Minh	Khôi	DH18CD						0012345678910	0123456789
32	18153038	Lê Trọng	Lâm	DH18CD		10	6,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_04

Tổ Thi 001_DH18CD_04

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD		10	6,5	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
34	17115063	Trần Thị Mỹ	Linh	DH17GN		9,0	6,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
35	18153041	Lâm Hoàng	Long	DH18CD		10	4,5	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
36	18153043	Nguyễn Thành	Long	DH18CD		10	5,5	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
37	18153047	Huỳnh Minh	Mẫn	DH18CD		10	0	4,0	3,8	0012345678910	0123456789
38	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD		9,0	5,5	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
39	18153050	Nguyễn Minh	Nhật	DH18CD		8,0	6,5	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
40	18153051	Trần Minh	Nhật	DH18CD		10	7,5	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
41	18118103	Nguyễn Thuận	Phát	DH18CK		9,0	3,5	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
42	18153053	Nguyễn Công Xuân	Phú	DH18CD		10	6,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
43	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD		9,0	6,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
44	18154101	Nguyễn Duy	Phương	DH18OT		9,0	5,5	1,0	2,7	0012345678910	0123456789
45	18153057	Trần Minh	Quang	DH18CD		7,0	6,5	1,0	2,7	0012345678910	0123456789
46	18153058	Trần Minh	Quang	DH18CD		8,0	4,5	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
47	18153060	Phạm Thanh	Quel	DH18CD		10	6,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
48	18153061	Mai Diệp	Quốc	DH18CD		8,0	5,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_04

Tổ Thi 001_DH18CD_04

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153063	Tôn Thế Trung	Son	DH18CD						0012345678910	0123456789
50	18153064	Đoàn Văn	Tân	DH18CD	<i>Đoàn</i>	8,0	5,5	1,0	2,6	0012345678910	0123456789
51	18153065	Lương Viết	Tây	DH18CD	<i>Tây</i>	9,0	5,5	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
52	18153067	Trần Hải	Thành	DH18CD	<i>Trần</i>	9,0	8,5	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
53	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD	<i>ĐH</i>	9,0	7,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
54	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD	<i>Bùi</i>	10	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
55	14115380	Vũ Đức	Thịnh	DH14GN						0012345678910	0123456789
56	14118070	Đình Trọng	Thọ	DH14CK						0012345678910	0123456789
57	18153073	Nguyễn Tất	Thuận	DH18CD	<i>Thuận</i>	10	7,5	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
58	18153077	Nguyễn Minh	Trí	DH18CD	<i>Ng</i>	10	8,5	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
59	15114177	Trần Minh	Trí	DH15CB	<i>Tr</i>	7,0	5,5	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
60	17115123	Nguyễn Thị Mai	Trình	DH17GN	<i>Ng</i>	10	6,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
61	18153078	Tô Trung	Trúc	DH18CD	<i>Tô</i>	10	7,0	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
62	18153080	Dương Nguyễn Khang	Trường	DH18CD						0012345678910	0123456789
63	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD	<i>Tùng</i>	10	6,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
64	14115267	Ca Thị Kim	Tuyền	DH14GN	<i>Ca</i>	9,0	5,5	5,0	5,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)** Số Tin Ch **2**
Nhóm Thi **DH18CD_04** Tổ Thi **001_DH18CD_04** Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**
Ngày Thi **25/12/2019** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV201A**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153083	Phạm Khải	Tường	<i>Phạm</i>		10	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
66	13115475	Trương Xuân	Vinh	<i>Trương</i>		1,0	0	1,0	1,1	0012345678910	0123456789
67	18153086	Nguyễn Việt	Ý	<i>Nguyễn</i>		9,0	8,0	5,5	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi .59 Số sinh viên vắng .02..

Ngày ____ Tháng 2 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Đào Duy Khánh

[Signature]

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày in : 02/12/2019